

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGÔ HÀ NAM

**THẨM QUYỀN XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. HOÀNG THỊ MINH SƠN**

HÀ NỘI – năm 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng của tôi.

Các số liệu, tài liệu được trích dẫn trong luận văn theo nguồn đã công bố.

Kết quả nêu trong luận văn này là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Ngô Hà Nam

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THẨM QUYỀN XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ	9
1.1. Những vấn đề lý luận về thẩm quyền xét xử phúc thẩm.....	9
1.2. Lịch sử quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thẩm quyền xét xử phúc thẩm	22
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VỀ THẨM QUYỀN XÉT XỬ PHỨC THẨM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	29
2.1. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về thẩm quyền xét xử phúc thẩm	29
2.2. Thực tiễn thực hiện quy định về thẩm quyền xét xử phúc thẩm tại thành phố Đà Nẵng.....	51
2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc	58
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THẨM QUYỀN XÉT XỬ PHỨC THẨM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	64
3.1. Tăng cường triển khai các biện pháp thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.....	64
3.2. Tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự	67
KẾT LUẬN	77
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	:	Bộ luật hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật tố tụng hình sự
HĐXX	:	Hội đồng xét xử
HĐXXPT	:	Hội đồng xét xử phúc thẩm
TACST	:	Tòa án cấp sơ thẩm
TACPT	:	Tòa án cấp phúc thẩm
TQXXPT	:	Thẩm quyền xét xử phúc thẩm
TQXXST	:	Thẩm quyền xét xử sơ thẩm
XXST	:	Xét xử sơ thẩm
XXPT	:	Xét xử phúc thẩm

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, thực hiện các Nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về "Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới", công cuộc cải cách tư pháp đã được tổ chức thực hiện với tinh thần quyết tâm cao, đạt được nhiều kết quả [3]. Nhận thức về công tác tư pháp có nhiều thay đổi theo hướng tích cực, chất lượng hoạt động tư pháp đã được nâng lên một bước, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển và bảo vệ đất nước, yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, ngày 02/6/2005 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 phù hợp với quá trình đổi mới công tác lập pháp và chương trình cải cách hành chính [5]. Đây là những tư tưởng, định hướng chỉ đạo quan trọng của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp mà trọng tâm là cải cách hoạt động xét xử của Tòa án nói chung và xét xử hình sự nói riêng.

Tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật [36]. Việc xét xử của Tòa án nói chung được thực hiện theo chế độ hai cấp xét xử. Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng và được xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật. Việc xét xử các vụ án hình sự càng không phải là ngoại lệ, có nghĩa là cũng được thực hiện theo chế độ hai cấp xét xử. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự quy định tại Điều 20 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Hai cấp xét xử vụ án hình sự, đó là XXST (cấp xét xử thứ nhất) và XXPT (cấp xét xử thứ hai). Xét xử sơ thẩm là xét xử lần đầu vụ án hình sự (sau khi có Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát hoặc sau khi TACPT, Tòa án cấp giám đốc thẩm, tái thẩm hủy bản án sơ thẩm để XXST lại). Theo Điều 230 của BLTTHS quy định về tính chất của xét xử phúc thẩm: "Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị".

Xét xử phúc thẩm có vị trí quan trọng, bởi vì thông qua xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không chỉ xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án bị kháng cáo hoặc kháng nghị, mà TACPT còn có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác. Thứ nhất là kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị (đã có hiệu lực pháp luật) để có quyết định tương ứng; thứ hai là hướng dẫn Tòa án cấp dưới áp dụng thống nhất pháp luật ... Việc quy định và thực hiện nguyên tắc này tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Viện kiểm sát, bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền và lợi ích liên quan trong vụ án thể hiện thái độ, ý chí không đồng tình của họ với việc xét xử của TACST theo quy định của pháp luật để vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm. Thông qua đó, chủ thể của quyền kháng cáo, kháng nghị có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và trong nhiều trường hợp lợi ích của Nhà nước, của xã hội cũng được đảm bảo.

Thực tiễn XXPT trong thời gian qua cho thấy nhiều trường hợp các TACPT chỉ xét xử theo nội dung kháng cáo, kháng nghị mà chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm. Tình trạng này ngoài những nguyên nhân chủ quan, thì có những nguyên nhân khách quan như quy định của BLTTHS về phạm vi XXPT, thẩm quyền của TACPT chưa được nghiên cứu làm rõ.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Tuy nhiên, sau thời gian hơn 10 năm thực hiện cộng với sự chuyển biến của xã hội, bộ luật cũng đã bộc lộ những hạn chế nhất định, trong đó những hạn chế trong việc quy định và áp dụng thủ tục XXPT nói chung và TQXXPT vụ án hình sự nói riêng. Trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, triển khai thực hiện các chủ trương cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước đặt ra đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của BLTTHS năm 2003 để thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm về cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu thực tiễn đất nước. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện sâu sắc quan điểm của Đảng ta về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bổ sung nhiều nguyên tắc tư pháp tiến bộ, bổ sung và làm rõ hơn nhiệm vụ của Tòa án khi thực hiện chức năng Hiến định. Những sửa đổi, bổ sung này đòi hỏi phải được cụ thể hóa trong Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra, thời gian qua, Quốc hội đã ban hành nhiều đạo luật liên quan đến tố tụng hình sự, như: Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật luật sư, Luật trợ giúp pháp lý, Luật thi hành án hình sự... Vì vậy, BLTTHS năm 2015 được ban hành là thực sự cần thiết để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Trong đó, quy định mới, cụ thể về Tòa án có TQXXPT tại Điều 344; quy định mới về Thẩm quyền của HĐXXPT đối với bản án sơ thẩm tại Điều 355; quy định mới về Thẩm quyền của Hội đồng phúc thẩm đối với quyết định sơ thẩm tại Điều 362.

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả XXPT thì việc tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lý luận, những quy định của BLTTHS và thực tiễn thi hành các quy định của BLTTHS về thẩm quyền của TACPT là hết sức cần thiết.

Tất cả những vấn đề trên đây là lý do mà tác giả chọn đề tài "*Thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*", để làm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Xét xử phúc thẩm là một khâu quan trọng trong tố tụng hình sự và được quy định tại Phần thứ tư của BLTTHS; do đó, cũng đã có những công trình nghiên cứu khoa học, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ hoặc các bài báo nghiên cứu có nội dung liên quan đến đề tài này. Trong số đó có thể kể đến:

- Công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ: *"Thực trạng hoạt động xét xử phúc thẩm và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xét xử phúc thẩm của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao"* (2006) của Tòa án nhân dân tối cao. Trong công trình này ngoài việc nghiên cứu làm rõ một số quy định của pháp luật tố tụng, các tác giả chủ yếu phân tích thực trạng về hoạt động, chất lượng, hiệu quả XXPT của các Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, qua đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xét xử phúc thẩm của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao;

- Luận án tiến sĩ: *"Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay"* (2003) của tác giả Lê Xuân Thân, trong đó có phân tích về thực tiễn áp dụng pháp luật tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Các luận văn thạc sĩ: *"Thủ tục xét xử phúc thẩm theo luật tố tụng hình sự Việt Nam"* (1998) của tác giả Nguyễn Gia Cương; *"Mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự Việt Nam"* (2003) của tác giả Đỗ Thị Duyên, trong đó có những nội dung phân tích các quy định của BLTTHS về XXPT hoặc quan hệ giữa Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân trong XXPT các vụ án hình sự; *"Xét xử phúc thẩm hình sự từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng"* (2015) của tác giả Hồ Quang Hùng.

Các bài báo: *"Cấp phúc thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng"* (2000) của tác giả Nguyễn Thị Mai; *"Bàn về tư cách tố tụng của bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị tại phiên tòa phúc thẩm"* (2005) của ThS Mai Bộ; *"Khoản 2 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự và thực tiễn áp dụng"* (2005) của tác giả Lương Tuấn Nghĩa; *"Bàn về việc Tòa án cấp phúc thẩm có*

được thay đổi tư cách người tham gia tố tụng khi xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng" (2005) của ThS. Nguyễn Văn Trọng; "Hoàn thiện quy định pháp luật về thủ tục phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự" của TS. Phan Thị Thanh Mai - Khoa Luật hình sự, Đại học Luật Hà Nội; "Quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2003 về xét xử phúc thẩm, vướng mắc, kiến nghị hoàn thiện" của ThS. Thái Chí Bình, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang; "Bàn về một số vướng mắc trong xét xử phúc thẩm vụ án hình sự", Tạp chí Tòa án nhân dân số 23, tháng 12/2006 của tác giả Đỗ Văn Chinh; "Một số vấn đề về phạm vi xét xử và quyền hạn của cấp phúc thẩm về vụ án hình sự", Tạp chí Tòa án nhân dân số 18, tháng 9/2009 của tác giả Vũ Gia Lâm; "Một số vướng mắc khi áp dụng quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2003 về xét xử phúc thẩm", Tạp chí Tòa án nhân dân số 15, tháng 8/2006 của tác giả Nguyễn Văn Trọng. Các bài báo này ở mỗi cấp độ, góc độ nhất định đều có những nội dung liên quan đến quy định của BLTTHS về XXPT hoặc thực tiễn xét xử phúc thẩm.

Tuy nhiên, các công trình, luận án, luận văn và bài báo nêu trên chưa nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện dưới góc độ lý luận cũng như dưới góc độ thực tiễn về TQXXPT vụ án hình sự của TACPT theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là góp phần làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn trên cơ sở nghiên cứu quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về TQXXPT vụ án hình sự và thực tiễn tại thành phố Đà Nẵng; đưa ra một số giải pháp có cơ sở lý luận và thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả xét xử phúc thẩm.

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về TQXXPT vụ án hình sự và thực tiễn tại thành phố Đà Nẵng, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả

XXPT trong tổ tụng hình sự Việt Nam đáp ứng về yêu cầu cải cách tư pháp.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, các nhiệm vụ cần phải giải quyết trong Luận văn bao gồm:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về phạm vi XXPT, thẩm quyền của TACPT trong tổ tụng hình sự;
- Phân tích các quy định của BLTTHS về thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm;
- Nghiên cứu, làm rõ thực tiễn XXPT vụ án hình tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng trong những năm gần đây, chỉ ra những hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện và nguyên nhân của nó làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là các quy định của BLTTHS và thực tiễn XXPT liên quan đến thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của TACPT và thực tiễn thực hiện những quy định này tại thành phố Đà Nẵng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của Luận văn được giới hạn bởi các quy định của pháp luật tổ tụng hình sự Việt Nam về TQXXPT vụ án hình sự của TACPT và thực tiễn xét xử của TACPT tại thành phố Đà Nẵng từ năm 2011 đến nay. Điều này có nghĩa là, luận văn không chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu thẩm quyền của HĐXXPT theo quy định tại Điều 249 BLTTHS mà còn nghiên cứu các quy định khác liên quan đến thẩm quyền của TACPT nói chung.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện trên chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền; Quan điểm, đường lối của

Đảng Cộng Sản Việt Nam về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở nước ta. Nhất là quan điểm chỉ đạo của Đảng về cải cách tư pháp trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về "*Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*" và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về "*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*".

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở kết hợp sử dụng đồng bộ các phương pháp: tổng kết thực tiễn, phương pháp logic và hệ thống phương pháp: phân tích tổng hợp trong nghiên cứu lý luận, phương pháp thống kê, so sánh, phương pháp chuyên gia ... để giải quyết nhiệm vụ đặt ra của luận văn.

Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Phương pháp lịch sử; phương pháp so sánh; phương pháp phân tích; phương pháp tổng hợp; phương pháp nghiên cứu vụ án điển hình; phương pháp tham khảo các tư liệu trong các công trình đã công bố; phương pháp thống kê, tổng hợp các số liệu trong những báo cáo của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và của địa phương.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Về ý nghĩa lý luận, Luận văn góp phần làm sáng tỏ và bổ sung những vấn đề lý luận về về thẩm quyền của TACPT như khái niệm, đặc điểm... thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Về ý nghĩa thực tiễn, những kết quả nghiên cứu và những giải pháp đưa ra trong Luận văn góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả XXPT các vụ án hình sự và có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong việc học tập, nghiên cứu cũng như giảng dạy liên quan đến thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm.

7. Cơ cấu của luận văn

Để thực hiện mục đích và nhiệm vụ đặt ra, luận văn được thiết kế như sau:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm có ba chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận và lịch sử quy định của pháp luật về thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

Chương 2: Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về thẩm quyền xét xử phúc thẩm và thực tiễn thực hiện tại thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp bảo đảm thi hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền xét xử phúc thẩm.

CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ
THẨM QUYỀN XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Những vấn đề lý luận về thẩm quyền xét xử phúc thẩm

1.1.1. Khái niệm xét xử phúc thẩm

Theo quy định của pháp luật thì, Tòa án thực hiện chế độ hai cấp xét xử. Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật này. Bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do Bộ luật này quy định thì có hiệu lực pháp luật. Đối với bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật [37].

Như vậy, khi bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm. Khái niệm XXPT hiểu theo quy định này khá rộng và theo tác giả là chưa chính xác với các lý do sau đây:

Thứ nhất là, “XXPT” hiểu theo quy định này bao gồm “xét xử” và “xét”. “Xét xử” là do một HĐXX thực hiện và phải mở phiên tòa. Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số [40]. Tác giả cơ bản đồng ý với định nghĩa “xét xử” trong Từ điển Luật học “xét xử là hành động xem xét, đánh giá bản chất pháp lý của vụ việc nhằm đưa ra một phán xét về tính chất, mức độ trái hay không trái pháp luật của vụ việc [51, tr.869]. “Xét” có thể do một hội đồng thực hiện hoặc có thể do một cá nhân thực hiện, nhưng không phải mở phiên tòa. Đối với những quyết định của TACST không bị kháng cáo hoặc kháng nghị, TACPT không phải mở phiên tòa [37].

Thứ hai là, không phải mọi quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị đều do TACPT giải quyết. Những người có quyền kháng cáo quy định tại Điều

231 của BLTTHS chỉ có quyền kháng cáo quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án, quyết định về việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh của TACST để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp xét lại quyết định đó theo thủ tục phúc thẩm. Đối với những quyết định khác của TACST liên quan đến vụ án họ chỉ có quyền khiếu nại theo quy định tại Chương XXXV của Bộ luật tố tụng hình sự. Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị đối với mọi quyết định của TACST trong khi thực hiện công tác kiểm sát xét xử các vụ án hình sự. Tuy nhiên, không phải khi có kháng nghị của Viện kiểm sát đối với quyết định của TACST liên quan đến vụ án thì Tòa án cấp trên trực tiếp đều xét lại quyết định đó theo thủ tục phúc thẩm. Thực tiễn công tác của TACPT cho thấy nhìn chung TACPT cũng cũng chỉ xét lại theo thủ tục phúc thẩm đối với quyết định tạm đình chỉ hoặc quyết định đình chỉ vụ án, quyết định giảm hoặc miễn chấp hành hình phạt, quyết định về việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh của TACST khi có kháng nghị của Viện kiểm sát. Đối với các quyết định khác của TACST liên quan đến vụ án khi có kháng nghị của Viện kiểm sát đều do Thẩm phán hoặc Chánh án, Phó chánh án Tòa án xem xét giải quyết.

Theo Từ điển Tiếng Việt do Giáo sư Hoàng Phê chủ biên năm 1992 thì, phúc thẩm là Tòa án cấp trên xét xử lại một vụ án do cấp dưới đã XXST mà có chống án [57]. Nhìn dưới góc độ khái quát và hiểu theo văn nói thì khái niệm này về cơ bản làm cho người ta hiểu được phúc thẩm là gì? Tuy nhiên, khái niệm này cũng chưa thật đầy đủ, chưa cụ thể và chưa chính xác. Tòa án cấp trên là Tòa án nào? Trong hệ thống tổ chức Tòa án nhân dân của nước ta thì Tòa án cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tối cao đều là Tòa án cấp trên của Tòa án nhân dân cấp huyện. Chống án được hiểu như thế nào? Cũng theo Từ điển Tiếng Việt thì, chống án (đương sự) không tán thành kết luận và quyết định của Tòa cấp dưới và yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại [57]. Như vậy chống án ở đây phải được hiểu là “kháng cáo” và do đó chưa bao gồm cả trường hợp XXPT lại vụ án khi có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân. Theo khái

niệm phúc thẩm trên đây cũng chưa làm rõ ai là người có quyền chống án và đối tượng chống án là gì?

Theo Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam của Trường đại học Luật Hà Nội, XXPT là một giai đoạn của tố tụng hình sự. Trong giai đoạn này, Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị nhằm khắc phục sai lầm của Tòa án cấp dưới, đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật, bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân [56, tr.406]. Khái niệm này làm rõ được Tòa án có thẩm quyền XXPT, nhưng cũng hiểu XXPT theo nghĩa rộng của nó (bao gồm xét xử và xét). Mặt khác, theo khái niệm này mục đích của XXPT là “nhằm khắc phục sai lầm của Tòa án cấp dưới”. Nếu vậy sẽ không đúng với bản chất của XXPT đó là “đối với bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm”. Quyết định của TACPT có thể là giữ nguyên bản án sơ thẩm; có thể là sửa bản án sơ thẩm; có thể là hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ để điều tra lại hoặc xét xử lại và cũng có thể là hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án. Bản án phúc thẩm không phải bao giờ cũng là khắc phục sai lầm của Tòa án cấp dưới mà trong một số ít trường hợp có kết quả ngược lại.

Theo tác giả Nguyễn Văn Huyền, XXPT là hoạt động được tiến hành theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định của Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực bị kháng cáo hoặc kháng nghị [22, tr.46]. Theo tác giả khái niệm này xét về mặt bản chất, nội dung và hình thức của XXPT là đầy đủ.

Nghiên cứu Phần thứ tư “Xét xử phúc thẩm” tác giả thấy rằng, khái niệm “xét xử phúc thẩm” phải được hiểu theo nghĩa rộng và về mặt hình thức đồng thời phải được hiểu theo bản chất và nội dung của nó.

Theo nghĩa rộng về mặt hình thức “xét xử phúc thẩm” là một giai đoạn tố tụng bao gồm căn cứ để mở phiên tòa phúc thẩm và thủ tục xét xử phúc thẩm.

Theo bản chất và nội dung “xét xử phúc thẩm” là hoạt động của Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị hợp pháp theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định để ra một hoặc nhiều quyết định quy định tại khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1.1.2. Khái niệm thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm

Theo Hiến pháp năm 2013, bộ máy Nhà nước ta được tổ chức theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Trong đó, Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.

Để làm rõ khái niệm TQXXPT vụ án hình sự của TACPT trong tố tụng hình sự chúng ta cần làm rõ khái niệm "quyền", "thẩm quyền", "quyền hạn". Trong thực tiễn cuộc sống có lĩnh vực, có hoạt động chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa các khái niệm này.

Dưới góc độ pháp lý theo tác giả trong một quốc gia khi nói đến quyền lực thì "quyền" là điều mà pháp luật quy định hoặc xã hội công nhận cho một người, một nhóm người, một tổ chức được hưởng, được làm, được đòi hỏi. Tuy nhiên, "quyền" đó để trở thành hiện thực trong nhiều trường hợp cần phải tuân thủ những điều kiện nhất định và một trong số trường hợp khác phải cụ thể hóa nhất định. "Quyền" khi được quy định, được công nhận nó được thực hiện đối với mỗi người, mỗi nhóm người, mỗi tổ chức khác nhau. Hiến pháp quy định các quyền cơ bản của công dân, nhưng cần phải tuân thủ các điều kiện nhất định. Ví dụ: Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể (không bị bắt) chỉ được thực hiện, nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát hoặc không phạm tội quả tang. "Quyền" thường gắn liền với "nghĩa vụ". Khi quy định hoặc công nhận cho một

chủ thể quyền nào đó, thì đồng thời đòi hỏi họ phải thực hiện nghĩa vụ nhất định. Có trường hợp quyền vừa là nghĩa vụ của chủ thể đó. Trong nhiều trường hợp khi quy định hoặc công nhận cho một người, một nhóm người, một tổ chức có "quyền" này, thì đồng thời phải quy định hoặc phải buộc người khác, nhóm người khác, tổ chức khác thực hiện những nghĩa vụ nhất định.

Khái niệm "thẩm quyền" gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Thẩm quyền trở thành một thuộc tính tất yếu của quyền lực nhà nước. Theo Đại từ điển tiếng Việt thì thẩm quyền là tổng hợp các quyền và nghĩa vụ hành động, quyết định của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống bộ máy nhà nước do pháp luật quy định [60, tr.459]. Theo Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật của Trường đại học Luật Hà Nội thì, các cơ quan nhà nước hoạt động trong phạm vi thẩm quyền của mình. Thẩm quyền của các cơ quan nhà nước là toàn bộ những quyền và nghĩa vụ mà nhà nước quy định cho cơ quan đó, phụ thuộc vào vị trí của mình trong bộ máy nhà nước. Các cơ quan nhà nước khác nhau thì có thẩm quyền khác nhau [54, tr.204]. Theo Giáo trình luật tổ tụng hành chính cũng của Trường đại học Luật Hà Nội thì, thẩm quyền là quyền hạn theo pháp luật quy định của cơ quan công quyền và công chức giữ chức vụ nhà nước nhất định [55, tr.29]. Theo tác giả những khái niệm (hay định nghĩa) trên đây chưa phân biệt được một cách rạch ròi giữa "thẩm quyền" và "quyền hạn".

Theo từ điển Tiếng Việt do giáo sư Hoàng Phê chủ biên năm 1992 thì, thẩm quyền là quyền xem xét để kết luận và định đoạt một vấn đề theo pháp luật [57, tr. 906]. Tác giả cho rằng khái niệm này là chính xác. Trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội thì rất nhiều vấn đề cần được xem xét, giải quyết. Để xem xét, giải quyết thì cần phải có phân định rõ ràng cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nào giải quyết. Có như vậy mới không có sự chồng chéo hoặc bỏ ngõ trong việc xem xét, giải quyết một vấn đề cụ thể. Việc phân định đó phải được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật. Như vậy, "thẩm quyền" chỉ xuất hiện và

được công nhận khi được pháp luật quy định.

Trong một số trường hợp khi pháp luật quy định thì "quyền" và "thẩm quyền" trùng hợp nhau, có ý nghĩa như nhau, thông thường khi nói về quyền lực nhà nước, chỉ có khác nhau ở cách diễn đạt mà thôi. Ví dụ: quyền xét xử các vụ án là của Tòa án nhân dân và Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử các vụ án.

Theo từ điển Tiếng Việt do giáo sư Hoàng Phê chủ biên năm 1992 thì "quyền hạn" là quyền được xác định về nội dung, phạm vi, mức độ [57, tr. 803]. Tác giả cho rằng khái niệm này chưa được đầy đủ. Quyền hạn chỉ phát sinh khi pháp luật quy định thực hiện nhiệm vụ cụ thể nhất định. Khi thực hiện nhiệm vụ nhất định, chủ thể mới có những quyền hạn nhất định, tức là được xác định về nội dung, phạm vi, mức độ. Khi thực hiện không đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ thể phải chịu trách nhiệm pháp lý. Nhiệm vụ, quyền hạn chỉ phát sinh khi việc xem xét, giải quyết vấn đề đã xác định đúng thẩm quyền. Khi không thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết thì có nghĩa chủ thể không có nhiệm vụ và khi không có nhiệm vụ thì chủ thể không có quyền hạn, nếu chủ thể giải quyết thì đó sẽ là lạm quyền.

Nghiên cứu các quy định của BLTTHS về XXPT cho phép chúng ta đưa ra kết luận rằng dường như quyền XXPT và TQXXPT; quyền của TACPT và thẩm quyền của TACPT cùng có ý nghĩa như nhau. Để có khái niệm thẩm quyền của TACPT trong tổ tụng hình sự Việt Nam, cần làm rõ những vấn đề sau đây:

Tòa án nào được coi là Tòa án cấp phúc thẩm. Nghiên cứu tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân của nước ta, tác giả thấy hệ thống Tòa án nhân dân được tổ chức theo đơn vị hành chính mà không được tổ chức theo cấp xét xử. Nghiên cứu thẩm quyền của mỗi cấp Tòa án cho thấy Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp cao đều có thẩm quyền xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, để được coi là TACPT, thì Tòa án đó phải là Tòa án cấp trên trực tiếp của Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cụ thể. Tòa án cấp trên trực tiếp được xác định bởi hai căn cứ. Thứ nhất, là Tòa án đó phải là Tòa án trên một cấp liền kề với Tòa án đã

XXST vụ án hình sự. Tòa án nhân dân cấp tỉnh là Tòa án trên một cấp liền kề với Tòa án nhân dân cấp huyện; Tòa án nhân dân cấp cao là Tòa án trên một cấp liền kề với Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Tòa án quân sự cấp quân khu là Tòa án trên một cấp liền kề với Tòa án quân sự khu vực; Tòa án quân sự trung ương là Tòa án trên một cấp liền kề với Tòa án quân sự cấp quân khu. *Thứ hai*, là Tòa án đó phải có địa giới hành chính bao gồm địa giới hành chính của Tòa án đã XXST vụ án hình sự hoặc Tòa án đó phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định địa hạt xét xử phúc thẩm.

Đối tượng nào Tòa án cấp phúc thẩm có thẩm quyền giải quyết.

Mặc dù luận văn được giới hạn trong việc nghiên cứu thẩm quyền của TACPT khi xét xử vụ án hình sự, song việc làm rõ các đối tượng mà TACPT có thẩm quyền giải quyết nói chung về hình sự là rất cần thiết.

Nghiên cứu các quy định của BLTTHS về XXPT cho thấy đối tượng đầu tiên thuộc thẩm quyền giải quyết của TACPT đó là những vụ án hình sự mà bản án của TACST bị kháng cáo, kháng nghị hợp lệ. Kháng cáo, kháng nghị được coi là hợp lệ, nếu nó được làm bởi người có quyền kháng cáo, kháng nghị và trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị (bao gồm kháng cáo quá hạn, nhưng có lý do chính đáng và được TACPT chấp nhận), đồng thời phải có nội dung không đồng ý với vấn đề cụ thể nào của bản án sơ thẩm. Đối tượng thứ hai thuộc thẩm quyền giải quyết của TACPT là quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án, quyết định về việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh của TACST bị kháng cáo, kháng nghị; quyết định giảm hoặc miễn chấp hành hình phạt tù bị kháng nghị. Đối tượng thứ ba thuộc thẩm quyền giải quyết của TACPT là kháng cáo quá hạn đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, tuy nhiên trường hợp này không mang tính phúc thẩm (xét lại) mà là xem xét lần đầu và quyết định có hiệu lực pháp luật.

Khi xác định được đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của TACPT thì quyền (thẩm quyền) của TACPT khi giải quyết từng đối tượng cụ thể có quyền

(thẩm quyền) tương ứng. Khi thực hiện những quyền (thẩm quyền) tương ứng, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc có những nhiệm vụ, quyền hạn tương ứng theo quy định của pháp luật.

Từ sự phân tích trên đây, tác giả đưa ra khái niệm về thẩm quyền xét xử phúc thẩm hay thẩm quyền của TACPT như sau: *Thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam là thẩm quyền của Tòa án cấp trên trực tiếp của Tòa án cấp sơ thẩm đã ra bản án hoặc quyết định về việc giải quyết vụ án hình sự theo địa giới hành chính hoặc theo sự phân công của người, cơ quan có thẩm quyền trong việc xét xử vụ án do bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị hoặc trong việc xem xét quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ vụ án bị kháng cáo, kháng nghị hoặc trong việc xét kháng cáo quá hạn.*

1.1.3. Phân cấp Tòa án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm

Ngày nay nhiều Chính phủ xem phân cấp quản lý như là một con đường để phát triển, là một chính sách mơ ước [28, tr.128]. Vậy Tòa án cấp nào có TQXXPT và việc phân cấp là gì mà có vai trò và ý nghĩa lớn như vậy đối với sự phát triển của mỗi quốc gia? Trong tiếng Việt, phân cấp có nghĩa là phân thành nhiều cấp, nhiều hạng [57, tr. 770]. Ở góc độ khác, có quan điểm cho rằng, phân cấp là việc giao bớt một phần quyền quản lý cho cấp dưới trong hệ thống quản lý nói chung [60, tr.1323]. Như vậy, về mặt học thuật, cụm từ phân cấp được định nghĩa không giống nhau, tùy thuộc vào từng lĩnh vực cụ thể.

Mục đích của sự phân cấp là tránh chồng chéo trong chức năng, nhiệm vụ để đem lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động của mỗi ngành, mỗi cơ quan. Sự phân cấp hợp lý đem lại lợi ích to lớn cho hoạt động trong lĩnh vực đó. Về bản chất, việc phân cấp đã tạo ra động cơ cho sự hoạt động. Nếu động cơ tốt sẽ tạo ra một hoạt động tốt. Chính vì vậy sự phân cấp được nhiều quốc gia xem như một yếu tố của sự phát triển. Sự phân cấp không chỉ đặt ra hoặc có vai trò đối với một ngành, một lĩnh vực nào mà diễn ra trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước.

Một số nhà khoa học quốc tế, trong đó đáng chú ý là Dennis A. Rondinelly và John R. Nellis, đã đưa ra định nghĩa về phân cấp (Administrative Decentralization) như sau: Sự chuyển giao trách nhiệm về lập kế hoạch, quản lý, nâng cao và phân bổ các nguồn lực từ Chính phủ trung ương và các cơ quan của nó tới các đơn vị khu vực của các cơ quan Chính phủ, các đơn vị cấp dưới hoặc các cấp chính quyền, các cơ quan chức trách hoặc các Tổng công ty nhà nước bán tự chủ, các cơ quan chức năng hoặc khu vực trong phạm vi toàn địa bàn hoặc các tổ chức tự nguyện hoặc tổ chức tư nhân ngoài quốc doanh [41, tr.5].

Ở Việt Nam, ngay từ những ngày đầu tiên lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nhấn mạnh vai trò của công tác tổ chức. Người khẳng định rằng thiếu óc tổ chức là một thiếu sót lớn:

- Nhiều ông Chủ tịch Ủy ban thường không nhận định những công việc chính của mình phải đem hết tâm lực vào đó, mà thường chỉ dùng thời gian để xử lý những vụ kiện vớ vẩn, tiếp những ông khách vu vơ, hay cặm cụi viết thư, viết báo cáo – việc có thể giao cho người khác làm được. Trong Ủy ban, nhiều khi có người rất rỗi rãi, cả ngày chỉ chạy ra chạy vào cho có chuyện, có người bù đầu rối óc vì một mình phải kiêm đến mấy việc: nào ngoại giao, nào tư pháp, nào tài chính.

- Chia công việc không khéo thành ra bao biện: nhiều việc quá thì sao làm được đến nơi, đến chốn vì thời giờ và sức lực người ta có chừng.

- Có kế hoạch làm việc nhưng sắp đặt công việc không khéo, phân công không sáng suốt thì việc cũng đến hỏng. Người nói giới lại cho vào việc chỉ cần khéo chân tay, người viết giới lại cho làm việc về lao động thì nhất định không thể nào thành công được [29, tr.38-39].

Đây chính là những tư tưởng chỉ đạo, những nguyên tắc tổ chức xã hội đầu tiên mà cụ thể là tổ chức công việc, phân công, phân cấp để thực hiện công việc của chính quyền. Tư tưởng của Hồ Chủ tịch về công tác tổ chức, về sự phân cấp, phân công thực hiện nhiệm vụ đến nay vẫn còn nguyên giá trị, đặc biệt là

với công cuộc đổi mới và cải cách hành chính, cải cách tư pháp theo hướng “loại bỏ những khâu bất hợp lý và phiền hà, ngăn chặn cửa quyền, tham nhũng, hối lộ, vi phạm pháp luật”.

Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam trong Nghị quyết về một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị về tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách nhà nước, đã đánh giá: Nhìn chung tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước còn cồng kềnh, nhiều đầu mối, tầng nấc trung gian, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và chế độ trách nhiệm của nhiều cơ quan và người đứng đầu chưa thật rõ ràng, còn chồng chéo, cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý.

Theo Từ điển Luật học thì phân cấp trong lĩnh vực pháp luật là sự phân định quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm bằng cách quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ để vừa bảo đảm việc điều hành tập trung, thống nhất của Chính phủ, đồng thời phát huy dân chủ, nâng cao tính năng động của mỗi địa phương, cơ sở [51, tr.371].

Với sự phân tích trên cho thấy trong các lĩnh vực khác nhau, các cách định nghĩa có khác nhau, nhưng có thể khái quát lại phân cấp, xét cho cùng là một cách tổ chức, sắp xếp hoạt động, theo nghĩa rộng là của một quốc gia, theo nghĩa hẹp là của một ngành, một đơn vị hoặc của nhiều ngành, nhiều đơn vị.

Vậy phân cấp thẩm quyền là việc tổ chức hoạt động của các cơ quan nhà nước cũng như một cơ quan hoặc một cá nhân trong tổng thể hoạt động chung nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ máy nhà nước.

Tòa án nhân dân là một ngành trong bộ máy nhà nước và lẽ đương nhiên cũng chịu sự chi phối chung của những quy định về thẩm quyền và phân cấp thẩm quyền trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Tòa án.

Với việc phân tích làm rõ khái niệm XXPT vụ án hình sự tại tiểu mục 1.1.1 của Luận văn cho thấy phân cấp thẩm quyền XXPT các vụ án hình sự

trong hệ thống Tòa án nhân dân là việc tổ chức XXPT các vụ án hình sự trong hệ thống Tòa án nhân dân như thế nào.

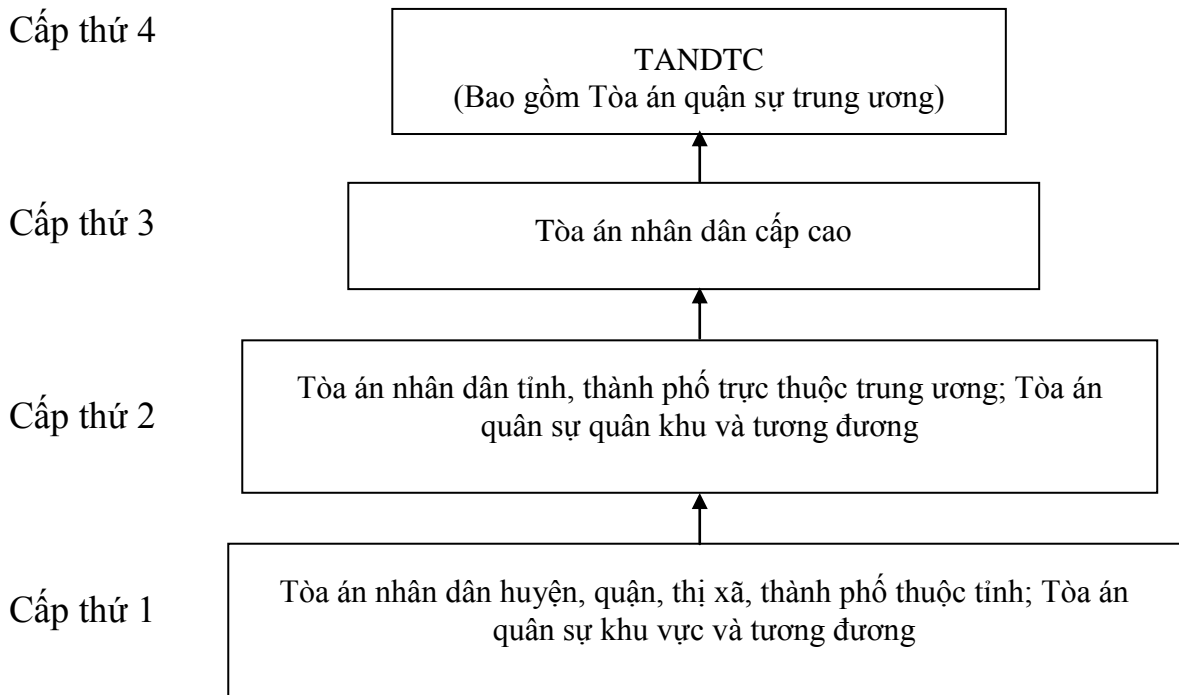
Phân cấp thẩm quyền XXPT vụ án hình sự phụ thuộc vào tổ chức hệ thống Tòa án, tổ chức mỗi cấp Tòa án và tổ chức ngay trong một Tòa án cụ thể.

Ở nhiều nước trên thế giới tổ chức hệ thống Tòa án theo ba cấp và chủ yếu theo thẩm quyền xét xử: cấp thứ nhất xét xử sơ thẩm, cấp thứ hai chủ yếu xét xử phúc thẩm và cấp thứ ba chủ yếu thực hiện chức năng giám đốc thẩm, tái thẩm (phá án). Tuy nhiên, ngay trong một cấp Tòa án có thẩm quyền XXPT không phải Tòa án nào cũng có thẩm quyền XXPT vụ án hình sự và ngay trong một Tòa án có thẩm quyền XXPT thì việc tổ chức thực hiện thẩm quyền XXPT cũng có sự khác nhau.

Ở nước ta theo quy định tại Điều 3 Luật tổ chức Tòa án nhân dân thì có các Tòa án sau đây:

1. Tòa án nhân dân tối cao.
2. Tòa án nhân dân cấp cao.
3. Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
4. Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương;
5. Tòa án quân sự;

Từ quy định này của Luật tổ chức Tòa án nhân dân và thực tiễn tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân của nước ta hiện nay, cho thấy ở nước ta hệ thống Tòa án nhân dân được tổ chức theo bốn cấp như sau:



Theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân và pháp luật tố tụng thì Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Tòa án quân sự khu vực chỉ có thẩm quyền XXST một số loại vụ án hình sự, còn các loại vụ án hình sự khác thuộc thẩm quyền XXST của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Tòa án quân sự quân khu và tương đương. Như vậy, về tổ chức hệ thống Tòa án thì thẩm quyền XXPT vụ án hình sự được phân cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tòa án quân sự quân khu và tương đương; Tòa án nhân dân cấp cao.

Trong mỗi cấp Tòa án không phải thẩm quyền XXPT vụ án hình sự đều giống nhau mà nó được phân cấp phụ thuộc vào đối tượng phạm tội, khách thể bị xâm phạm, phụ thuộc vào việc XXST của Tòa án cấp dưới.

Trong một Tòa án cụ thể thẩm quyền XXPT vụ án hình sự được phân cấp cụ thể. Không phải Tòa án nào cũng có thẩm quyền XXPT vụ án hình sự, mà được phân cấp theo chuyên môn hóa nhằm bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đặc biệt XXPT, cấp xét xử thứ hai và bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Từ những phân tích trên, theo tác giả phân cấp thẩm quyền XXPT vụ án

hình sự là việc quy định về tổ chức trong hệ thống Tòa án nhân dân, trong mỗi cấp Tòa án nhân dân và trong mỗi một Tòa án cụ thể thực hiện công việc XXPT vụ án hình sự khi bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo hoặc kháng nghị.

1.1.4. Thẩm quyền trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm

1.1.4.1. Thẩm quyền trong giai đoạn chuẩn bị xét xử

Khi xác định việc XXPT vụ án hình sự cụ thể thuộc thẩm quyền của TACPT nào, thì TACPT đó phải thụ lý vụ án. Kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến khi TACPT mở phiên tòa xét xử vụ án gọi là giai đoạn chuẩn bị XXPT vụ án.

Trong giai đoạn này pháp luật quy định TACPT được làm những việc gì để mở phiên tòa xét xử vụ án. Những việc mà pháp luật quy định cho TACPT được làm đó là thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm.

Thẩm quyền của TACPT trong giai đoạn chuẩn bị XXPT vụ án hình sự bao gồm: nghiên cứu hồ sơ vụ án và giải quyết các khiếu nại, các yêu cầu của người tham gia tố tụng; yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung chứng cứ mới; tiếp nhận tài liệu, đồ vật mà người đã kháng cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự bổ sung; áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; thực hiện những việc cần thiết cho việc mở phiên tòa phúc thẩm.

Nhìn chung các thẩm quyền của TACPT nói trên được phân cho các cá nhân thực hiện và lúc này thẩm quyền của TACPT được “chuyển hóa” thành thẩm quyền của người tiến hành tố tụng mà cụ thể là thẩm quyền của Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa. Trong trường hợp Thẩm phán được phân công làm chủ tọa là Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương hoặc là Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp cao thì có thẩm quyền đầy đủ, tức là được xem giải quyết tất cả các việc thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm. Trong trường hợp Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa

không phải là Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương hoặc là Chánh tòa, Phó Chánh tòa Tòa án nhân dân cấp cao thì không có thẩm quyền áp dụng hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “tạm giam”; không có thẩm quyền thay đổi từ biện pháp ngăn chặn “tạm giam” bằng biện pháp ngăn chặn khác hoặc ngược lại.

Trong giai đoạn chuẩn bị XXPT vụ án hình sự ngoài các thẩm quyền trên, TACPT còn có thẩm quyền xét kháng cáo quá hạn trong trường hợp trong vụ án đó có người kháng cáo quá hạn. Thẩm quyền này của TACPT được phân cấp cho một Hội đồng xét kháng cáo gồm ba Thẩm phán. Khi thực hiện thẩm quyền xét lý do kháng cáo quá hạn, Hội đồng có quyền ra quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo quá hạn.

1.1.4.2. Thẩm quyền của Hội đồng xét xử

Khi được phân công XXPT vụ án hình sự có nghĩa HĐXXPT có thẩm quyền XXPT vụ án hình sự đó. Hội đồng xét xử phúc thẩm có nhiệm vụ xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và khắc phục, sửa chữa những sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm. Để thực hiện tốt những nhiệm vụ đó, pháp luật quy định cho HĐXXPT thẩm quyền quyết định về việc giải quyết vụ án và đó là thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm. Thẩm quyền (quyền) của HĐXXPT về việc giải quyết vụ án được quy định rộng mà HĐXXPT có thể sử dụng toàn bộ, lựa chọn một hoặc nhiều quyền trong các quyền được pháp luật quy định.

Như vậy, *thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự là quyền quyết định về việc giải quyết vụ án khi vụ án được xét xử phúc thẩm*. Nói cách khác, khi vụ án được XXPT quyền quyết định về việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

1.2. Lịch sử quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thẩm quyền xét xử phúc thẩm

Quy định về thẩm quyền xét xử phúc thẩm từ năm 1945 đến năm 2003

Sau khi cách mạng tháng Tám thành công, trong thời gian đầu giành được

chính quyền về tay nhân dân, Nhà nước ta chưa ban hành được các văn bản pháp luật để điều chỉnh xã hội mà “Những luật lệ hiện hành vẫn giữ nguyên như cũ, trừ những điều khoản trái với Sắc lệnh này cũng trái với chủ quyền và chính thể dân chủ cộng hòa của nước Việt Nam” (Điều 42 Chương III Sắc lệnh số 51 ngày 17-4-1946 ấn định thẩm quyền các Tòa án và sự phân công giữa các nhân viên trong Tòa). Nghiên cứu các văn bản pháp luật lúc này thì vấn đề thẩm quyền của TACPT không được quy định cụ thể.

Ngày 19/5/1967, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư số 03-NCPL lần đầu tiên hướng dẫn có hệ thống về trình tự tố tụng phúc thẩm hình sự. Văn bản này đã đáp ứng một đòi hỏi cấp thiết trong hoàn cảnh pháp luật về tố tụng hình sự của nước ta còn thiếu và đã có tác dụng tích cực giúp cho công tác XXPT được tiến hành thuận lợi hơn, tạo điều kiện cho Tòa án nhân dân xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và kịp thời khi tuyên những bản án chung thẩm có quan hệ trực tiếp đến tự do thân thể, sinh mạng chính trị, đến tài sản, thậm chí đến cả tính mạng con người [48, tr.206].

Theo Thông tư số 03-NCPL thì phạm vi xét xử phúc thẩm giống như giới hạn xét xử sơ thẩm: “Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án, kể cả đối với những người không kháng cáo, cũng không bị kháng cáo, kháng nghị”. Theo hướng dẫn tại Thông tư này, TACPT phải xét xử lại tất cả các bị cáo, các hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố. Do phạm vi XXPT như vậy nên thẩm quyền của TACPT cũng rất rộng: những bị cáo khác mà mức hình phạt chưa tương xứng thì TACPT trực tiếp sửa lại tội danh, tăng án, bảo đảm phương châm chính xác, không oan, không lọt trong công tác xét xử... [48, tr.206].

Thông tư số 03-NCPL được thi hành trong bảy năm góp phần bảo đảm việc xét xử ở các TACPT ngày càng nhanh chóng hơn, tỷ lệ hàng năm các vụ án được giải quyết trong thời hạn luật định ngày càng cao. Tuy nhiên, qua thực tiễn thi hành, Thông tư số 03-NCPL dần dần đã bộc lộ một số nhược điểm. Các nhược điểm đó được đánh giá trong Bản hướng dẫn về trình tự tố tụng phúc

thẩm về hình sự (kèm theo Thông tư số 19-TATC ngày 02/10/1974 của Tòa án nhân dân tối cao) như sau:

- Việc quy định nhiệm vụ của cấp phúc thẩm là xét xử lại toàn bộ vụ án, kể cả đối với những người không kháng cáo, cũng không bị kháng cáo, kháng nghị, hiện nay không còn thật hợp lý nữa, và làm cho công tác XXPT trở thành nặng nề một cách không cần thiết, làm chậm cả việc thi hành những phần của bản án sơ thẩm lẽ ra đã phải có hiệu lực pháp luật và đã có thể phát huy kịp thời tác dụng thiết thực.

- Quyền của những người tham gia tố tụng có trường hợp chưa được đảm bảo đầy đủ như: việc kháng cáo, kháng nghị và lý do kháng cáo, kháng nghị không được thông báo cho những người bị kháng cáo, kháng nghị biết để chuẩn bị ý kiến bảo vệ quyền lợi của mình; bị cáo là vị thành niên hoặc là người vì nhược điểm về thể chất hay về tinh thần mà không thể tự mình thực hiện đầy đủ quyền bào chữa được, không có ai thay mình để sử dụng quyền kháng cáo; việc chống án vắng mặt ở cấp phúc thẩm, trong trường hợp bị cáo vắng mặt có lý do chính đáng, chưa được đề cập đến. Lại có trường hợp quyền của những người tham gia tố tụng được quy định quá rộng rãi như: người bị hại có cả quyền kháng cáo để xin giảm án cho bị cáo; khái niệm người bị hại và nguyên đơn dân sự chưa được phân biệt rõ ràng, dẫn đến việc công nhận quyền kháng cáo về mặt hình phạt cho cả những người thực ra chỉ là nguyên đơn dân sự.

- Việc xét xử nhanh chóng có một ý nghĩa chính trị và thực tiễn rất lớn. Ở cấp phúc thẩm lại thường có khá nhiều vụ án mà đối với mọi người (hội đồng xử án, Viện kiểm sát nhân dân, những người tham gia tố tụng, kể cả bị cáo), về mặt sự việc thì chứng cứ đã rõ ràng, không có gì để tranh luận ở cấp phúc thẩm, còn về bản án sơ thẩm thì nội dung quyết định không có gì đáng mắc mứu, chỉ có bị cáo kháng cáo và cũng chỉ để xin khoan hồng. Lẽ ra những vụ án thuộc loại này có thể xử với một thủ tục gọn hơn, nhưng hiện nay vẫn phải gọi bị cáo và một số người khác ra phiên tòa, làm cho thủ tục rườm rà, việc xét xử bị chậm lại một

cách không hợp lý.

- Việc phối hợp giữa Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cấp phúc thẩm trước khi mở phiên tòa chưa được chính thức đặt ra. Với việc quy định sự phối hợp này trên tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, hai bên sẽ có thể trao đổi giải quyết nhiều vấn đề quan trọng, như trao đổi về sự cần thiết và yêu cầu cụ thể của việc điều tra bổ sung, trao đổi về trường hợp Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị, nhưng Tòa án nhân dân thấy cần đề nghị Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị vì sơ thẩm xử quá nhẹ v.v...

- Quyền hạn của Tòa án nhân dân xử phúc thẩm cần được xác định cụ thể hơn nữa. Trong thực tiễn, nảy sinh nhiều rắc rối cần được giải quyết: Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm có thể tự mình làm một số công việc nhất định gì trước khi mở phiên tòa; thế nào là sửa bản án theo hướng nặng hơn, hình phạt nặng hơn; không có kháng cáo, kháng nghị, có nhất thiết bất cứ trường hợp nào cũng được xử lại theo tội danh nặng hơn không; cấp phúc thẩm có thể bổ sung hình phạt phụ nào, có quyền giải quyết lại vấn đề tang vật không; ngoài những trường hợp Thông tư 03 quy định, có trường hợp nào khác cần hủy án sơ thẩm không v.v... [48, tr.206-207].

Nhằm khắc phục các nhược điểm của Thông tư 03-NCPL, góp phần nâng cao thêm một bước chất lượng công tác của Tòa án nhân dân, bảo đảm xét xử phúc thẩm chính xác, kịp thời, vừa tăng cường chuyên chính vô sản, vừa phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân và trên cơ sở rút kinh nghiệm thực tiễn thi hành Thông tư số 03-NCPL, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Bản hướng dẫn về trình tự tố tụng phúc thẩm về hình sự kèm theo Thông tư số 19-TATC ngày 02/10/1974 của Tòa án nhân dân tối cao (Thông tư số 19-TATC).

Về phạm vi XXPT, Thông tư 19-TATC đã hướng dẫn:

Vụ án được xét xử lại toàn bộ khi kháng cáo, kháng nghị đề cập đến toàn bộ, trường hợp kháng cáo, kháng nghị có phạm vi hạn chế, thì Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm xét xử đối với những người có kháng cáo, hay bị kháng cáo,

kháng nghị. Tất nhiên khi giải quyết những vấn đề nêu lên trong bản kháng nghị hoặc đơn kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm không phải chỉ nghiên cứu riêng những vấn đề ấy, mà phải đặt bộ phận trong toàn bộ vụ án.

Đối với những bị cáo không kháng cáo, cũng không bị kháng cáo, kháng nghị, nếu xét thấy mức án sơ thẩm là quá nhẹ, Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm cần đề nghị Viện kiểm sát nhân dân không nhất trí, hoặc thời hạn kháng nghị đã hết, thì chỉ có thể giải quyết theo trình tự giám đốc thẩm. Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm không tự mình tăng án và cũng không hủy bản án sơ thẩm để tự mình xử lại hay giao cho cấp sơ thẩm xử lại [48, tr.208].

Tuy nhiên, trong một số trường hợp tuy không có kháng cáo, kháng nghị, nhưng TACPT vẫn có thể xét xử cả với những bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị:

Tuy nhiên, không nên vận dụng nguyên tắc này một cách quá cứng rắn và cần có sự cân nhắc cần thiết, miễn là không trái với yêu cầu cho thi hành ngay phần nào của bản án sơ thẩm có thể cho thi hành ngay được. Cụ thể là, về phần hình phạt trong một vụ án có cộng phạm, nếu khi giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có kháng cáo hoặc Viện kiểm sát nhân dân có kháng nghị mà Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm xét có thể giảm hình phạt cho cả những bị cáo không ở trong diện kháng cáo, kháng nghị thì cấp phúc thẩm vẫn xét giảm [48, tr.210].

Về thẩm quyền của TACPT, Thông tư số 19-TATC hướng dẫn:

Khi thẩm tra vụ án, Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm thẩm tra toàn bộ về mặt pháp lý cũng như về mặt sự việc. Cấp phúc thẩm có quyền phát hiện tất cả những thiếu sót, sai lầm trong bản án sơ thẩm, và tùy trường hợp, hoặc tự mình giải quyết về nội dung, hoặc góp ý kiến với Tòa án nhân dân sơ thẩm, hoặc phát hiện vấn đề với cấp giám đốc thẩm.

Xét xử lại vụ án về nội dung ở cấp phúc thẩm là đi sâu xác định lại thực chất của vụ án. Trên cơ sở đánh giá lại những chứng cứ đã thu thập được ở cấp sơ thẩm và xét những chứng cứ mới, cấp phúc thẩm có thể có những kết luận về

sự việc giống như cấp sơ thẩm, hoặc ít nhiều có khác, hoặc trái ngược hẳn.

Về mặt áp dụng pháp luật hình sự để định tội, lượng hình, cấp phúc thẩm cũng có quyền xét lại bản án sơ thẩm: bản án của cấp phúc thẩm có thể y, có thể sửa đổi, có thể bác bản án sơ thẩm về thực chất vụ án, bao gồm các mặt tội danh, lượng hình, xử lý tang vật, bồi thường [48, tr.208].

Về thẩm quyền của HĐXXPT khi xét xử vụ án gồm có: giữ nguyên bản án sơ thẩm; sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhẹ hơn hoặc tuyên bố bị cáo không có tội như đã truy tố; sửa đổi bản án sơ thẩm theo hướng nặng hơn; hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại; đình chỉ vụ án.

So với hướng dẫn trong Thông tư số 03-NCPL có rất nhiều điểm tiến bộ theo tinh thần đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử; bảo đảm tính hiệu lực thi hành của phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị; bảo đảm nguyên tắc có lợi cho người bị kết án.

Thông tư số 19-TATC được thi hành cho đến khi Nhà nước ta ban hành BLTTHS đầu tiên (Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 28-6-1988). Nghiên cứu BLTTHS năm 1988 cho thấy các quy định trong Phần thứ tư “Xét lại bản án và quyết định chưa có hiệu lực pháp luật theo thủ tục phúc thẩm” là sự kế thừa và hoàn thiện các hướng dẫn về trình tự tố tụng phúc thẩm hình sự trong Thông tư số 19-TATC.

Về tính chất của phúc thẩm, BLTTHS năm 1988 quy định: Phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét lại những bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị.

Về phạm vi xét xử phúc thẩm, BLTTHS năm 1988 quy định: Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị. Nếu xét thấy cần thiết thì TACPT có thể xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án.

Về thẩm quyền của TACPT, BLTTHS năm 1988 quy định: Tòa án cấp phúc thẩm có quyền bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm; sửa bản án sơ thẩm; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại

hoặc xét xử lại; hủy bản án sơ thẩm đình chỉ vụ án.

Qua mười lăm năm triển khai thực hiện với ba lần sửa đổi, bổ sung, BLTTHS năm 1988 đã góp phần quan trọng vào việc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, phục vụ tích cực công cuộc đổi mới của nhà nước ta trong những năm qua. Tuy nhiên, so với tình hình thực tế, nhu cầu của công cuộc cải cách kinh tế, cải cách hành chính, cải cách tư pháp thì nhiều quy định của BLTTHS năm 1988 nói chung và một số quy định về XXPT nói riêng không còn phù hợp. Ngày 26/11/2003, Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ tư đã thông qua BLTTHS mới và có hiệu lực từ ngày 01/7/2004. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định cụ thể đầy đủ hơn về XXPT so với BLTTHS năm 1988.

Kết luận Chương 1

Trong chương 1 của luận văn, tác giả đã tập trung phân tích những quan điểm của các học giả đồng thời nghiên cứu các quy định của BLTTHS về khái niệm xét xử nói chung và xét xử phúc thẩm nói riêng, về kháng cáo, kháng nghị, về phạm vi xét xử phúc thẩm, để đưa ra một khái niệm có cơ sở lý luận và thực tiễn về thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự. Ngoài ra, tác giả còn phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn các quy định pháp luật tố tụng hình sự có liên quan về xác định thẩm quyền, phạm vi và nội dung thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, cũng như mối quan hệ giữa thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự và các chế định khác, để có một góc nhìn toàn diện, đầy đủ về chế định thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

Đây là cơ sở lý luận và pháp lý để tác giả đánh giá thực trạng thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự và thực tiễn thực hiện tại thành phố Đà Nẵng ở chương 2.

CHƯƠNG 2
QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003
VỀ THẨM QUYỀN XÉT XỬ PHỨC THẨM VÀ THỰC TIỄN
THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về thẩm quyền xét xử phúc thẩm

2.1.1. Quy định đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm

Nghiên cứu các quy định của BLTTHS năm 2003 cho thấy đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của TACPT bao gồm: vụ án hình sự mà bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị; quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án; quyết định về việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh của TACST bị kháng cáo hoặc kháng nghị; quyết định giảm hoặc miễn chấp hành hình phạt bị kháng nghị; kháng cáo quá hạn luật định.

Vụ án hình sự mà bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị là đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm. Không phân biệt bản án sơ thẩm bị kháng cáo một phần hoặc toàn bộ thì hồ sơ vụ án phải được chuyển cho Tòa án cấp phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm phải thụ lý vụ án, nghiên cứu hồ vụ án và tiến hành các công việc cần thiết để mở phiên tòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm vụ án. Thủ tục phiên tòa phúc thẩm cũng tiến hành như phiên tòa sơ thẩm, nhưng trước khi xét hỏi, một thành viên của HĐXX phải trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung của kháng cáo hoặc kháng nghị. Trong trường hợp này, TACPT có thẩm quyền xét xử nội dung vụ án. Chứng cứ cũ, chứng cứ mới, tài liệu, đồ vật mới được bổ sung phải được xem xét tại phiên tòa. Bản án của TACPT phải căn cứ vào cả chứng cứ cũ và chứng cứ mới. Tuy nhiên, TACPT chủ yếu có thẩm quyền xét xử vụ án theo nội dung kháng cáo, kháng nghị. Chỉ khi xét thấy

cần thiết thì TACPT có thể xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án. Trong trường hợp tại phiên tòa toàn bộ kháng cáo, kháng nghị đều được rút thì việc XXPT phải được đình chỉ. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày TACPT ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án của TACST bị kháng cáo hoặc kháng nghị là đối tượng thứ hai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

Theo quy định của BLTTHS thì trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán TACST được phân công chủ tọa phiên tòa có thể ra quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án. Thẩm phán ra quyết định tạm đình chỉ vụ án khi có một trong những căn cứ: bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y thì tạm đình chỉ vụ án cho đến khi bị can khỏi bệnh; đã có quyết định trung cầu giám định, nhưng chưa có kết quả giám định mà hết thời hạn chuẩn bị xét xử thì tạm đình chỉ vụ án và việc giám định vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả; khi không biết rõ bị can đang ở đâu khi đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử thì tạm đình chỉ vụ án và yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can. Tuy nhiên, Tòa án cũng có thể mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị cáo khi thuộc một trong các trường hợp: bị cáo trốn tránh và việc truy nã không có kết quả; bị cáo đang ở nước ngoài và không thể triệu tập đến phiên tòa; sự vắng mặt của bị cáo không trở ngại cho việc xét xử và họ đã được giao giấy triệu tập hợp lệ. Thẩm phán ra quyết định đình chỉ vụ án khi có một trong những căn cứ: người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm một cách tự nguyện, không bị ép buộc hoặc cưỡng bức; người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; tội phạm đã được đại xá; người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác. Tại phiên tòa sơ thẩm, nếu có một trong

những căn cứ trên đây thì HĐXX sơ thẩm ra quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án. Khi có kháng cáo hoặc kháng nghị đối với quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án của TACST, thì TACST phải gửi hồ sơ vụ án và kháng cáo, kháng nghị cho TACPT trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị [17]. Việc phúc thẩm quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án của TACST bị kháng cáo hoặc kháng nghị phải do một Hội đồng gồm ba Thẩm phán thực hiện. Tòa án cấp phúc thẩm không phải mở phiên tòa, nhưng nếu xét thấy cần thì có thể triệu tập những người tham gia tố tụng cần thiết để nghe ý kiến của họ trước khi ra quyết định.

Đối tượng thứ ba thuộc thẩm quyền giải quyết của TACPT đó là quyết định của TACST về việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh bị kháng cáo hoặc kháng nghị.

Khi có căn cứ cho rằng người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 13 của BLHS thì tùy theo giai đoạn tố tụng, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải trưng cầu giám định pháp y. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng giám định pháp y, Viện kiểm sát quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn điều tra, truy tố; Tòa án quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn xét xử và thi hành án. Việc kháng nghị hoặc kháng cáo đối với quyết định của Tòa án về việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh được tiến hành như đối với bản án sơ thẩm. Như vậy khi quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì TACPT phải xem xét như bản án sơ thẩm bị kháng cáo hoặc kháng nghị. Thực tiễn cho thấy hầu như chưa có trường hợp nào xảy ra, tuy nhiên theo chúng tôi quy định của BLTTHS về thủ tục áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh chưa được hoàn thiện và có những trường hợp khó có thể thực hiện được. Trường hợp vụ án đã được TACPT thụ lý và đến thời điểm này có căn cứ cho rằng bị cáo không có năng lực trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào kết luận của Hội đồng giám định pháp y ra

quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Quyết định này bị kháng cáo hoặc kháng nghị, vậy việc xem xét kháng cáo, kháng nghị được thực hiện như thế nào. Vì vậy cần phải hoàn thiện quy định của BLTTHS về áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Đối tượng thứ tư thuộc thẩm quyền giải quyết của TACPT đó là kháng cáo quá hạn.

Việc kháng cáo quá hạn có thể được chấp nhận, nếu có lý do chính đáng. Tòa án cấp phúc thẩm thành lập Hội đồng gồm ba Thẩm phán để xét lý do kháng cáo quá hạn. Hội đồng có quyền ra quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn (Điều 235 Bộ luật tố tụng hình sự).

Việc xét lý do kháng cáo quá hạn cũng có các cách hiểu khác nhau và trong thực tiễn cũng được thực hiện khác nhau. Trong trường hợp có người kháng cáo trong thời hạn luật định, có người kháng cáo quá hạn, có TACPT xét lý do kháng cáo quá hạn trước khi mở phiên tòa, có TACPT xét lý do kháng cáo quá hạn tại phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án. Kháng cáo là căn cứ để mở phiên tòa phúc thẩm. Địa vị pháp lý tham gia tố tụng của một người cũng khác nhau khi có kháng cáo và khi không có kháng cáo. Mặt khác, việc xét lý do kháng cáo quá hạn được tiến hành như thế nào, có phải triệu tập người kháng cáo quá hạn hay không, đại diện Viện kiểm sát cùng cấp có phải tham gia phiên họp hay không ... Về các vấn đề này, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn:

- Việc xét lý do kháng cáo quá hạn phải được thực hiện trước khi mở phiên tòa phúc thẩm không phụ thuộc vào việc ngoài bị cáo, đương sự kháng cáo quá hạn, trong vụ án còn có kháng cáo của các bị cáo hoặc đương sự khác trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 234 của BLTTHS; do đó, khi nhận được hồ sơ vụ án có nhiều người kháng cáo, TACPT phải kiểm tra có kháng cáo nào quá hạn hay không. Nếu có thì phải xét lý do kháng cáo quá hạn trước khi mở phiên tòa”.

- Tòa án cấp phúc thẩm phải thành lập HĐXX gồm ba Thẩm phán để xét lý do kháng cáo quá hạn trên cơ sở giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo đơn kháng cáo. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng xét xử có quyền triệu tập người kháng cáo quá hạn đến phiên họp trình bày bổ sung về lý do kháng cáo quá hạn hoặc yêu cầu họ cung cấp giấy tờ, tài liệu bổ sung chứng minh cho việc kháng cáo quá hạn của mình là có lý do chính đáng.

Phiên họp xét lý do kháng cáo quá hạn không bắt buộc phải có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát cùng cấp. Trước khi HĐXX thảo luận, một thành viên của HĐXX nêu tóm tắt nội dung đơn kháng cáo quá hạn, các giấy tờ, tài liệu chứng minh lý do của việc kháng cáo quá hạn. Nếu người kháng cáo quá hạn được triệu tập đến phiên họp thì HĐXX yêu cầu trình bày bổ sung lý do kháng cáo quá hạn. Trong trường hợp có đại diện Viện kiểm sát cùng cấp tham gia thì đại diện Viện kiểm sát cùng cấp phát biểu ý kiến chấp nhận hoặc không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn. Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn. Quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo quá hạn phải được gửi cho TACST và người kháng cáo quá hạn. Trong trường hợp nhận được quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn của TACPT, thì TACST phải thông báo theo quy định tại Điều 236 của BLTTHS và hướng dẫn tại mục 6 Phần I của Nghị quyết này.

- Trong trường hợp HĐXX phúc thẩm ra quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn mà hồ sơ vụ án TACPT đã thụ lý, thì TACPT xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung đối với kháng cáo quá hạn đó. Nếu hồ sơ vụ án đang ở TACST, thì sau khi nhận được quyết định chấp nhận kháng cáo quá hạn của TACPT, TACST phải gửi ngay hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm.

- Trong trường hợp ngay trước khi mở phiên tòa mà TACPT mới nhận được kháng cáo quá hạn, thì trước khi khai mạc phiên tòa, HĐXX phúc thẩm phải mở phiên họp xét lý do kháng cáo quá hạn.

Nếu HĐXX không chấp nhận kháng cáo quá hạn hoặc chấp nhận kháng

cáo quá hạn, nhưng toàn bộ nội dung kháng cáo đó có liên quan đến các kháng cáo khác hoặc kháng nghị thì HĐXX tiến hành khai mạc phiên tòa và xét xử vụ án theo thủ tục chung. Nếu một phần hoặc toàn bộ nội dung kháng cáo đó là độc lập không liên quan đến kháng cáo khác hoặc kháng nghị, mà những người tham gia phiên tòa có yêu cầu hoãn phiên tòa hoặc người có liên quan đến phần kháng cáo độc lập đó chưa được thông báo, chưa được triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm, thì HĐXX phải hoãn phiên tòa [17].

Đối tượng thứ năm thuộc thẩm quyền giải quyết của TACPT đó là quyết định giảm hoặc miễn chấp hành hình phạt bị kháng nghị nếu xét thấy việc giảm hoặc miễn không có căn cứ.

2.1.2. Quy định về Tòa án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm

Để làm rõ phân cấp thẩm quyền XXPT vụ án hình sự trong hệ thống Tòa án nhân dân, thì cần phải làm rõ quy định của BLTTHS về phân cấp thẩm quyền XXST các vụ án hình sự.

Phân cấp thẩm quyền XXST các vụ án hình sự trong hệ thống Tòa án nhân dân được căn cứ vào loại tội phạm và vào địa điểm thực hiện tội phạm.

Thẩm quyền XXST các vụ án hình sự của Tòa án các cấp theo loại tội phạm:

“1. Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực XXST những vụ án hình sự về những tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng, trừ những tội phạm sau đây: a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia; b) Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh; c) Các tội quy định tại các Điều 93, 95, 96, 172, 216, 217, 218, 219, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 263, 293, 294, 295, 296, 322 và 323 của Bộ luật hình sự.

2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án quân sự cấp quân khu XXST những vụ án hình sự về những tội phạm không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực hoặc những vụ án thuộc thẩm

quyền của Tòa án cấp dưới mà mình lấy lên để xét xử” (Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự).

Thẩm quyền XXST các vụ án hình sự của Tòa án theo lãnh thổ:

“1. Tòa án có thẩm quyền xét xử vụ án hình sự là Tòa án nơi tội phạm được thực hiện. Trong trường hợp tội phạm được thực hiện tại nhiều nơi khác nhau hoặc không xác định được nơi thực hiện tội phạm thì Tòa án có thẩm quyền xét xử là Tòa án nơi kết thúc việc điều tra.

2. Bị cáo phạm tội ở nước ngoài nếu xét xử ở Việt Nam thì do Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú cuối cùng của bị cáo ở trong nước xét xử. Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng ở trong nước của bị cáo thì tùy trường hợp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ra quyết định giao cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hoặc Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử.

Bị cáo phạm tội ở nước ngoài, nếu thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự thì do Tòa án quân sự cấp quân khu trở lên xét xử theo quyết định của Chánh án Tòa án quân sự trung ương”. (Điều 171 Bộ luật tố tụng hình sự).

Tuy không phổ biến, nhưng trong thực tiễn có những tội phạm được thực hiện trên tàu bay hoặc tàu biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang hoạt động ngoài không phận hoặc lãnh hải của Việt Nam. Thẩm quyền XXST các vụ án hình sự thuộc loại này trong hệ thống Tòa án nhân dân được thực hiện:

“Những tội phạm xảy ra trên tàu bay hoặc tàu biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang hoạt động ngoài không phận hoặc lãnh hải Việt Nam thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Việt Nam, nơi có sân bay hoặc bến cảng trở về đầu tiên hoặc nơi tàu bay, tàu biển đó được đăng ký” (Điều 172 Bộ luật tố tụng hình sự).

Từ các quy định trên của BLTTHS về phân cấp thẩm quyền XXST vụ án hình sự và việc phân tích làm rõ khái niệm XXPT vụ án hình sự tại tiểu mục 1.1.1 của Luận văn, thì việc phân cấp thẩm quyền XXPT vụ án hình sự theo các

cấp Tòa án được xác định như sau:

- Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương XXPT những vụ án hình sự mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Tòa án nhân dân cấp cao XXPT những vụ án hình sự mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Tòa án quân sự quân khu và tương đương XXPT những vụ án hình sự mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự khu vực do bộ Quốc phòng quy định bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Tòa án quân sự trung ương XXPT những vụ án hình sự mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự quân khu và tương đương bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

Theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân thì cơ cấu tổ chức của mỗi cấp Tòa án trong việc thực hiện thẩm quyền của mình có khác nhau.

Điều 38 Luật tổ chức Tòa án nhân dân quy định: “Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm có: Ủy ban Thẩm phán; Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa kinh tế, Tòa lao động, Tòa hành chính; Tòa gia đình và người chưa thành niên. Trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập Tòa chuyên trách khác theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Bộ máy giúp việc”.

Điều 30 Luật tổ chức Tòa án nhân dân quy định: “Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân cấp cao gồm có: Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao; Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa hành chính, Tòa kinh tế, Tòa lao động, Tòa gia đình và người chưa thành niên. Trường hợp cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết

định thành lập Tòa chuyên trách khác theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Bộ máy giúp việc.

Như vậy việc xác định đúng sự phân cấp TQXXPT vụ án hình sự theo các cấp Tòa án là chưa đủ, chưa đảm bảo đúng việc thực hiện TQXXPT vụ án hình sự. Không phải đơn vị chức năng nào trong một Tòa án mỗi cấp được phân cấp TQXXPT vụ án hình sự cũng đều thực hiện thẩm quyền đó. Muốn vậy cần phải xác định đúng sự phân cấp thẩm quyền phúc thẩm vụ án hình sự ngay trong mỗi một Tòa án cụ thể.

Theo quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân thì sự phân cấp TQXXPT vụ án hình sự ngay trong mỗi một Tòa án cụ thể như sau:

- Tòa hình sự Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương XXPT những vụ án hình sự mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Các Tòa hình sự Tòa án nhân dân cấp cao XXPT những vụ việc mà bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của luật tố tụng.

Theo quy định của Pháp lệnh tổ chức Tòa án nhân quân sự thì sự phân cấp thẩm quyền XXPT vụ án hình sự trong Tòa án quân sự trung ương như sau:

- Các Tòa phúc thẩm Tòa án quân sự trung ương XXPT những vụ án hình sự mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự quân khu và tương đương do Bộ Quốc phòng quy định bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

Từ sự phân tích làm rõ việc xác định phân cấp thẩm quyền xét xử vụ án hình sự trên đây cho phép chúng ta rút ra các kết luận sau đây:

- Khi XXST vụ án hình sự đòi hỏi phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định

của BLTTHS tại các điều 170, 171, 172, và 173 về TQXXST vụ án hình sự của các Tòa án các cấp. Xác định sai sự phân cấp thẩm quyền XXST vụ án hình sự dẫn đến việc thực hiện sai quy định của BLTTHS về thẩm quyền XXST vụ án hình sự và hệ quả là sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Khi XXPT vụ án hình sự cần thiết phải xác định đúng Tòa án đã XXST vụ án hình sự có phải là Tòa án cấp dưới trực tiếp trên cùng địa bàn hành chính hoặc Tòa án cấp dưới trực tiếp do người hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định hay không. Các quy định của BLTTHS tại các điều 170, 171, 172, và 173 chỉ là căn cứ để TACPT xác định TACST thực hiện đúng quy định về thẩm quyền hay chưa. Cho dù TACST không thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, thì TACPT vẫn có TQXXPT vụ án. Tuy nhiên trong trường hợp này TACPT không xét xử về nội dung của vụ án mà ra bản án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

2.1.3. Quy định về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm

Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm vụ án hình sự bằng một HĐXXPT gồm ba Thẩm phán và trong trường hợp cần thiết có thể có thêm hai Hội thẩm. Thẩm quyền của HĐXXPT vụ án hình sự được quy định tại Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự. Khi XXPT vụ án, sau khi nghị án, HĐXX ra bản án phúc thẩm nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong bản án phúc thẩm, HĐXX có quyền quyết định không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm; sửa bản án sơ thẩm; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại; hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

- Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm

Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

Thứ nhất là, căn cứ vào BLTTHS, BLHS và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan thì TACST không có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố

tụng; những kết luận trong bản án sơ thẩm phù hợp với thực tế khách quan của vụ án; pháp luật được áp dụng và quyết định trong bản án phù hợp với hành vi phạm tội, tính chất và mức độ của tội phạm, nhân thân người phạm tội. Trong trường hợp này kháng cáo, kháng nghị có thể theo hướng có lợi cho người phạm tội hoặc có thể theo hướng không có lợi cho người phạm tội, TACPT có quyền không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Thứ hai là, căn cứ vào BLTTHS, BLHS và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan thì TACST không có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Tuy nhiên có một số hay toàn bộ kết luận trong bản án sơ thẩm không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án; pháp luật được áp dụng và quyết định trong bản án chưa phù hợp với hành vi phạm tội, tính chất và mức độ của tội phạm, nhân thân người phạm tội, nhưng đều theo hướng có lợi cho người phạm tội và chỉ có kháng cáo, kháng nghị theo hướng có lợi hơn nữa cho người phạm tội. Trong trường hợp này HĐXX phúc thẩm chỉ có thể nhận định trong bản án phúc thẩm về những sai lầm đó, nhưng phải quyết định không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có quyền sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho người phạm tội. Tùy theo mức độ sai lầm mà HĐXXPT chỉ ra cho TACST rút kinh nghiệm hoặc thông báo cho người có quyền kháng cáo theo thủ tục giám đốc thẩm quy định tại Điều 275 của Bộ luật tố tụng hình sự. “Trong trường hợp phát hiện thấy những vi phạm pháp luật trong bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Viện kiểm sát, Tòa án phải thông báo cho người có quyền kháng nghị quy định tại Điều 275 của Bộ luật này” (Điều 274 Bộ luật tố tụng hình sự).

Ví dụ: Bị cáo bị truy tố về tội giết người theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa, HĐXXPT xét thấy có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội giết người. Trong trường hợp này HĐXXPT chỉ

có quyền quyết định không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm phải thông báo cho người có quyền kháng nghị quy định tại Điều 275 Bộ luật tố tụng hình sự.

Thực tiễn công tác xét xử cho thấy, có vụ án trong đó có nhiều bị cáo kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị. Khi XXPT, HĐXXPT không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo này, nhưng chấp nhận kháng cáo, kháng nghị sửa bản án sơ thẩm hoặc hủy bản án sơ thẩm đối với bị cáo khác, có ý kiến cho rằng trường hợp này phải coi là sửa một phần bản án sơ thẩm [53, tr.270].

Trong lý luận cũng như trong thực tiễn có các ý kiến khác nhau về bản án. Theo chúng tôi bản án cần được hiểu theo hai cách sau đây:

Thứ nhất, hiểu theo nghĩa rộng của nó đó là một văn bản do Tòa án ra nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi kết thúc xét xử một vụ án (một bản án khi kết thúc xét xử một vụ án). Nếu hiểu theo nghĩa này thì khi HĐXXPT chỉ cần sửa một quyết định của bản án sơ thẩm cũng phải coi là sửa bản án. Tuy nhiên hiểu theo nghĩa này thì sẽ không đúng khi HĐXXPT chỉ hủy một quyết định của bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại, bởi lẽ không thuộc trường hợp nào.

Thứ hai, hiểu theo nghĩa hẹp, dưới góc độ pháp lý của bản án thì dù đó là một văn bản do Tòa án nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau khi kết thúc XXPT một vụ án, nhưng đối với mỗi bị cáo, mỗi người tham gia tố tụng khác có liên quan đến vụ án là một văn bản. Hiểu theo cách này mới phù hợp với các quy định của pháp luật, bởi vì trong một bản án phúc thẩm, HĐXX có thể ra một hoặc nhiều hoặc tất cả các quyết định thuộc các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 248 BLTTHS khi XXPT vụ án hình sự có nhiều bị cáo. Mặt khác hiểu theo cách này mới đúng với hậu quả pháp lý mà mỗi một bị cáo phải chịu. Ví dụ: trong vụ án có hai bị cáo A và B đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Khi XXPT, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của A và giữ nguyên bản án sơ

thẩm đối với A, nhưng chấp nhận kháng cáo của B và giảm nhẹ hình phạt cho B. Trong trường hợp này A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, còn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- *Sửa bản án sơ thẩm*

Có quan điểm cho rằng “căn cứ để TACPT sửa bản án sơ thẩm là khi xác định TACST áp dụng không đúng các quy định của BLHS hoặc Bộ luật dân sự” [45, tr. 424]. Theo chúng tôi quan điểm này chưa hoàn toàn chính xác hay nói cách khác chưa được đầy đủ. Thực tiễn công tác xét xử của Tòa án chứng minh rằng có trường hợp TACST đã xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật tại thời điểm XXST, nhưng bản án sơ thẩm bị kháng cáo. Khi xét xử phúc thẩm HĐXXPT vẫn quyết định giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hoặc giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo nếu trong quá trình chuẩn bị XXPT có những tình tiết giảm nhẹ mới như bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị cáo lập công lớn...

Khi XXPT, nếu có căn cứ và điều kiện mà pháp luật quy định thì HĐXXPT có quyền sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi hoặc không có lợi đối với bị cáo và đối với những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến vụ án.

Theo quy định tại Điều 249 BLTTHS, HĐXXPT có quyền sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo như sau:

- Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Theo quy định tại Điều 25 BLHS thì người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự trong ba trường hợp: thứ nhất là, khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa; thứ hai là, trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm; thứ ba là khi người phạm tội có quyết định đại xá. Trong ba trường hợp trên thì đối với trường hợp thứ nhất và trường hợp thứ ba người phạm tội đương nhiên được miễn trách nhiệm

hình sự, còn đối với trường hợp thứ hai thì người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự. Cần phân biệt giữa miễn trách nhiệm hình sự và không phải chịu trách nhiệm hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự là khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử trường hợp đó vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự, nhưng vì có những điều kiện đặc biệt do BLHS quy định nên người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự. Không phải chịu trách nhiệm hình sự là khi thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Miễn hình phạt cho bị cáo. Theo quy định tại Điều 54 BLHS thì người phạm tội có thể được miễn hình phạt trong trường hợp phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự. Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự tức là vẫn có bản án kết án họ phạm tội, nhưng không áp dụng hình phạt đối với họ và họ đương nhiên được xóa án tích.

- Áp dụng điều khoản BLHS về tội nhẹ hơn. Tội nhẹ hơn cần được hiểu theo hai nghĩa: tội danh nhẹ hơn, nếu quy định tại các điều luật khác nhau hoặc loại tội nhẹ hơn, nếu quy định trong một điều luật (tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng). Khi nói áp dụng khoản về tội nhẹ hơn là ý nói trong một điều luật (loại tội) và khi nói về tội nhẹ hơn là ý nói về tội danh. Tuy nhiên cũng có trường hợp cùng loại tội trong cùng điều luật, nhưng các khoản khác nhau có nặng hơn và nhẹ hơn. Ví dụ trong một điều luật mức hình phạt cao nhất trong khoản quy định về cấu thành cơ bản là 4 năm tù và mức hình phạt cao nhất trong khoản quy định về cấu thành tăng nặng là 7 năm tù. Trong trường hợp này cũng cần coi là áp dụng khoản BLHS về tội nhẹ hơn, nếu TACST áp dụng khoản quy định về cấu thành tăng nặng, còn TACPT áp dụng khoản quy định về cấu thành cơ bản, vì có lợi cho bị cáo.

- Giảm hình phạt cho bị cáo. Khi XXPT, HĐXX có quyền quyết định giữ nguyên loại hình phạt (kể cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung) và giảm mức hình phạt cho bị cáo, nếu xét thấy TACST quyết định hình phạt chưa đúng quy

định tại Điều 45 BLHS (xử phạt quá nặng) hoặc xét thấy mới có thêm những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy BLTTHS không quy định cụ thể, nhưng cũng cần coi là giảm hình phạt cho bị cáo, nếu HĐXXPT không áp dụng (bỏ bớt) một hay nhiều hình phạt trong các hình phạt mà TACST đã áp dụng đối với bị cáo. Không thể coi là giảm hình phạt cho bị cáo, nếu TACST xử phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo, nhưng bị cáo có kháng cáo và xin giảm hình phạt. Khi XXPT, HĐXX chấp nhận giảm hình phạt tù cho bị cáo, nhưng lại không cho bị cáo hưởng án treo.

- Giảm mức bồi thường thiệt hại và sửa quyết định xử lý vật chứng.

+ Về nguyên tắc thì vấn đề dân sự do các bên đương sự tự định đoạt. Thường thì HĐXXPT chỉ xem xét mức bồi thường thiệt hại khi có kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định của TACST về bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên cũng có trường hợp chỉ có kháng cáo về tội danh và hình phạt, nhưng qua XXPT, HĐXX quyết định giảm mức bồi thường thiệt hại hoặc có thể không buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

+ Bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự thông thường là bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Để xem xét có buộc bồi thường thiệt hại hoặc giảm mức bồi thường thiệt hại hay không, HĐXXPT phải xem xét căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nguyên tắc bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 604 và Điều 605 Bộ luật dân sự, đồng thời phải căn cứ xác định thiệt hại quy định tại các điều luật tương ứng (608, 609, 610, 611 và 612) của Bộ luật dân sự để kết luận TACST quyết định trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc mức bồi thường thiệt hại có đúng hay không. Nếu xét thấy TACST quyết định trách nhiệm bồi thường thiệt hại là không đúng hoặc mức bồi thường thiệt hại là quá cao, thì HĐXX có quyền quyết định không buộc phải bồi thường thiệt hại hoặc giảm mức bồi thường thiệt hại.

+ Căn cứ và thẩm quyền xử lý vật chứng được quy định cụ thể tại Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm;

trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại được quy định cụ thể tại Điều 41 và Điều 42 Bộ luật hình sự. Khi XXPT, HĐXX căn cứ vào các quy định này của BLTTHS và BLHS để xem xét TACST quyết định xử lý vật chứng đúng hay không. Nếu việc xử lý vật chứng không có căn cứ hoặc không đúng thì cần phải sửa lại theo đúng quy định của pháp luật, nhưng phải tuân thủ nguyên tắc không gây thiệt hại cho người phạm tội.

- Chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Căn cứ vào hệ thống hình phạt (hình phạt chính) để xem xét loại hình phạt nào nặng hơn, loại hình phạt nào nhẹ hơn. Căn cứ vào quy định tại Điều 45, Điều 47 và các quy định khác của BLHS, HĐXXPT có thể chuyển sang loại hình phạt khác nhẹ hơn loại hình phạt mà TACST đã áp dụng và xử phạt bị cáo. Đối với hình phạt bổ sung thì không có sự xếp quy định loại hình phạt nào nhẹ hơn, loại hình nào nặng hơn; do đó, HĐXXPT không được chuyển từ loại hình phạt bổ sung này sang loại hình phạt bổ sung khác.

- Giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo. Khi XXPT, HĐXX có thể nhận thấy TACST đã áp dụng Điều 45 BLHS và quyết định mức hình phạt tương xứng, nhưng TACST chưa đánh giá đúng hoặc xuất hiện những tình tiết giảm nhẹ mới thuộc nhân thân người phạm tội, thì HĐXXPT có thể áp dụng Điều 60 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo.

Sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo thì không phân biệt trong trường hợp có kháng cáo, kháng nghị theo hướng đó hoặc theo hướng không có lợi cho bị cáo: “Nếu có căn cứ, Tòa án vẫn có thể giảm hình phạt, áp dụng điều khoản BLHS về tội nhẹ hơn, chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo, giảm mức bồi thường thiệt hại” (khoản 3 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự).

Đối với những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị, theo khoản 2 Điều 249 BLTTHS “nếu có căn cứ, HĐXXPT có thể giảm hình phạt hoặc áp dụng điều khoản BLHS về tội nhẹ hơn, chuyển sang hình phạt

khác thuộc loại nhẹ hơn; giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo”. Theo chúng tôi quy định này chưa được đầy đủ so với quy định tại khoản 1 Điều 249 BLTTHS và trong thực tiễn còn có các ý kiến khác nhau (sẽ được phân tích và kiến nghị trong Chương 3 của Luận văn).

Theo quy định tại khoản 3 Điều 249 BLTTHS thì khi XXPT, HĐXX có quyền sửa bản án theo hướng không có lợi cho bị cáo khi Viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại yêu cầu theo hướng đó.

Bản án hoặc quyết định phúc thẩm được coi là không có lợi cho bị cáo hoặc đương sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm theo hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đối với bị cáo, nếu TACPT tăng hình phạt; chuyển khung hình phạt nặng hơn; áp dụng điều khoản của BLHS về tội nặng hơn; không cho hưởng án treo đối với bị cáo được TACST cho hưởng án treo; tăng mức bồi thường thiệt hại; áp dụng thêm hình phạt bổ sung; áp dụng thêm biện pháp tư pháp so với bản án hoặc quyết định sơ thẩm;

- Đối với các đương sự, nếu TACPT sửa bản án hoặc quyết định sơ thẩm theo hướng ngược lại kháng cáo của họ hoặc giảm quyền lợi hoặc tăng nghĩa vụ đối với họ so với bản án hoặc quyết định sơ thẩm [17].

Không coi là bản án hoặc quyết định phúc thẩm không có lợi cho bị cáo hoặc đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nếu HĐXXPT không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm và quyết định về án phí phúc thẩm; sửa lỗi chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai. Ví dụ: TACST nhận định trong bản án là thiệt hại về tài sản có hai khoản trị giá 115 triệu đồng và 126 triệu đồng, nhưng trong phần quyết định tuyên buộc bồi thường thiệt hại về tài sản là 231 triệu đồng. Trong trường hợp này, nếu TACST chưa có đính chính thì TACPT có quyền sửa lại là 241 triệu đồng mà không coi là không có lợi cho người phải bồi thường thiệt hại.

Trường hợp khi có kháng cáo của người bị hại hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát yêu cầu tăng hình phạt thì HĐXXPT có quyền áp dụng điều khoản của BLHS về tội nặng hơn hay không (khoản khác trong cùng một điều luật của BLHS nặng hơn khoản mà TACST áp dụng; điều luật khác của BLHS về tội nặng hơn tội quy định trong điều luật của BLHS mà TACST áp dụng). Loại ý kiến thứ nhất cho rằng “nếu Viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt mà không yêu cầu áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn đối với bị cáo thì TACPT chỉ có quyền tăng mức hình phạt trong khung hình phạt mà TACST đã dụng đối với bị cáo mà không có quyền áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn và chuyển sang khung hình phạt khác nặng hơn [22]. Loại ý kiến thứ hai về nguyên tắc đồng ý như loại ý kiến thứ nhất, nhưng đề nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn theo hướng: nếu có kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng hình phạt thì HĐXXPT có thể áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn [34, tr.281].

Theo chúng tôi quy định tại khoản 3 Điều 249 BLTTHS chưa rõ ràng (sẽ được phân tích và kiến nghị trong Chương 3 của Luận văn). Tuy nhiên khi quy định của pháp luật về trách nhiệm hình sự chưa rõ ràng thì cần phải thực hiện theo hướng có lợi cho bị cáo. Vì vậy chúng tôi đồng ý với loại ý kiến thứ nhất.

- Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại

Khoản 1 Điều 205 BLTTHS quy định: “Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại khi nhận thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được”. Việc điều tra ở cấp sơ thẩm bao gồm việc điều tra ở giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm. Khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải chứng minh: có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm

hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội; những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra (Điều 63 Bộ luật tố tụng hình sự). Đối với vụ án mà người chưa thành niên phạm tội còn phải xác định rõ: tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội; điều kiện sinh sống và giáo dục; có hay không có người thành niên xúi giục; nguyên nhân và điều kiện phạm tội (khoản 2 Điều 302 Bộ luật tố tụng hình sự). Để chứng minh những vấn đề nêu trên, các cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định của BLTTHS và thu thập đầy đủ các chứng cứ. Việc điều tra không đầy đủ làm cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án không đúng dẫn tới có thể kết tội oan, có thể bỏ lọt tội phạm, có thể xét xử sai tội danh, có thể áp dụng pháp luật không đúng... Tuy nhiên, TACPT chỉ hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại trong trường hợp cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Khái niệm cấp phúc thẩm có các cách hiểu khác nhau. Có ý kiến cho rằng cấp phúc thẩm là Tòa án cấp phúc thẩm. Ý kiến khác cho rằng cấp phúc thẩm bao gồm Viện kiểm sát cấp phúc thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm. Chúng tôi đồng ý với ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm chỉ hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại trong trường hợp nếu Viện kiểm sát cấp phúc thẩm không thể điều tra bổ sung được và ở tại phiên tòa phúc thẩm cũng không thể làm sáng tỏ được. Nếu việc điều tra ở cấp sơ thẩm tuy là không đầy đủ, nhưng có thể điều tra bổ sung được ở cấp phúc thẩm, thì TACPT không hủy bản án sơ thẩm mà yêu cầu Viện kiểm sát cấp phúc thẩm điều tra bổ sung hoặc tự mình yêu cầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân cung cấp thêm những tài liệu cần thiết [22].

Bộ luật tố tụng hình sự không quy định cụ thể về việc trong giai đoạn điều tra, truy tố mà có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, như Điều tra viên, Kiểm sát viên thuộc trường hợp phải từ chối tiến hành tố tụng; thu thập chứng cứ không đúng quy định tại Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự ... thì

HĐXXPT cần giải quyết như thế nào. Theo chúng tôi nếu có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng có nghĩa là kết quả hoạt động của cơ quan, người tiến hành tố tụng không có giá trị pháp lý và như vậy coi như chưa điều tra, có nghĩa là thuộc trường hợp điều tra chưa đầy đủ; do đó, trong trường hợp này HĐXXPT cũng quyết định hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Khoản 2 Điều 205 BLTTHS quy định các trường hợp HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại ở cấp sơ thẩm đối với thành phần HĐXX mới.

- Thành phần HĐXXST không đúng luật định. Điều 185 BLTTHS quy định: “Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm. Trong trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, thì Hội đồng xét xử có thể gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm. Đối với vụ án mà bị cáo đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt có mức cáo nhất là tử hình thì Hội đồng xét xử gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm”. Nếu bị cáo là người chưa thành niên thì “Thành phần Hội đồng xét xử phải có thêm một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thành Cộng sản Hồ chí Minh” (khoản 1 Điều 307 Bộ luật tố tụng hình sự). Khi xét xử phúc thẩm, HĐXX thấy thành phần HĐXXST không đúng với quy định của BLTTHS thì hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

- Có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng. Ngoài trường hợp HĐXXST không đúng luật định là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, thì còn có nhiều vi phạm khác của TACST cũng được coi là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Khi xét thấy hành vi, quyết định của TACST có vi phạm về thủ tục tố tụng, nhưng để đánh giá vi phạm đó nghiêm trọng hay không thì phải căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là trường hợp BLTTHS quy định bắt buộc phải tiến hành hoặc tiến hành theo thủ tục tố tụng đó, nhưng cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng bỏ qua hoặc thực hiện không đúng xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách

quan toàn diện [18, tr.59]. Thực tiễn cho thấy có không ít trường hợp TACST có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như: xét xử sai thẩm quyền (Tòa án cấp huyện XXST vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp tỉnh); việc nghị án không đúng, nội dung trong biên bản nghị án khác với quyết định trong bản án; Thẩm phán, Hội thẩm thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi nhưng vẫn tham gia xét xử; không cử người bào chữa khi thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 57 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Người được TACST tuyên bố không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội. Đây là một quy định mới so với BLTTHS năm 1988. Thực tiễn cho thấy có trường hợp hành vi vi phạm pháp luật cấu thành tội phạm, Viện kiểm sát ra quyết định truy tố, nhưng TACST tuyên bố không có tội. Trước khi BLTTHS năm 2003 có hiệu lực thi hành, thì những trường hợp này TACPT phải giữ nguyên bản án sơ thẩm và kiến nghị với người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Quy định mới được bổ sung này của BLTTHS năm 2003 nhằm giải quyết nhanh vụ án và không để lọt người phạm tội.

Khi hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại, HĐXXPT phải ghi rõ trong bản án phúc thẩm lý do của việc hủy bản án sơ thẩm, nhưng không quyết định trước những chứng cứ mà TACST cần phải chấp nhận hoặc cần phải bác bỏ, cũng như không quyết định trước về điều khoản của BLHS và hình phạt mà TACST phải áp dụng nhằm bảo đảm sự độc lập xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án

Khi XXPT, nếu HĐXX xác định không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm thì ra bản án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không có tội và đình chỉ vụ án. Hội đồng xét xử ra bản án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án khi xác định được: người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật; đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; tội phạm đã được đại xá.

Trường hợp trong giai đoạn XXPT, khi bị cáo có kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị đã chết thì HĐXXPT quyết định như sau:

- Trong trường hợp TACST tuyên bố bị cáo không phạm tội, nhưng bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo hướng bị cáo có phạm tội, thì cần phân biệt như sau:

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, nếu xét thấy kháng cáo, kháng nghị là không có căn cứ và việc TACST tuyên bố bị cáo không phạm tội là đúng, mặc dù bị cáo đã chết trong giai đoạn XXPT, vì Viện Kiểm sát đề nghị và TACPT áp dụng điểm 1 Điều 220 BLTTHS bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, nếu xét thấy kháng cáo, kháng nghị là có căn cứ và việc TACST tuyên bố bị cáo không phạm tội là không đúng, nhưng vì bị cáo đã chết trong giai đoạn XXPT, thì Viện Kiểm sát đề nghị và TACPT áp dụng điểm 4 Điều 220, điểm 7 Điều 89 và Điều 223 BLTTHS hủy quyết định của bản án sơ thẩm về phần tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án về phần hình sự đối với bị cáo đã chết.

- Trong trường hợp TACST tuyên bố bị cáo phạm tội, nhưng bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị, thì cần phân biệt như sau:

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, nếu xét thấy việc TACST tuyên bố bị cáo phạm tội là không đúng, mặc dù bị cáo đã chết trong giai đoạn XXPT áp dụng điểm 4 Điều 220, điểm 2 Điều 89 và Điều 223 BLTTHS hủy quyết định của bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án về phần hình sự đối với bị cáo đã chết.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, nếu xét thấy việc TACST tuyên bố bị cáo phạm tội là đúng, nhưng do bị cáo đã chết trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, thì Viện Kiểm sát đề nghị và Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điểm 4 Điều 220, điểm 7 Điều 89 và Điều 223 BLTTHS hủy quyết định của bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án về hình sự đối với bị cáo đã chết.

- Trong trường hợp TACPT hủy quyết định của bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án về phần hình sự đối với bị cáo đã chết, thì quyết định của bản án sơ thẩm bị hủy bao gồm: Quyết định về hình phạt chính và hình phạt bổ sung; Quyết định về kê biên tài sản để bảo đảm thi hành hình phạt tiền, hình phạt tịch thu tài sản; Quyết định về án phí hình sự sơ thẩm [49].

- Thẩm quyền khác

Ngoài các thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 248 BLTTHS, khi XXPT vụ án hình sự còn có các thẩm quyền khác theo quy định của BLTTHS như: Yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa những nguyên nhân và điều kiện phạm tội (Điều 27); ra quyết định khởi tố vụ án hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện được tội phạm mới hoặc người phạm tội mới cần phải điều tra (khoản 1 Điều 104); ra quyết định dẫn giải người làm chứng (Điều 192); ra quyết định tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án (khoản 3 Điều 243)... Tùy từng trường hợp cụ thể mà HĐXXPT xem xét quyết định sử dụng thẩm quyền cụ thể tương ứng theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực tiễn thực hiện quy định về thẩm quyền xét xử phúc thẩm tại thành phố Đà Nẵng

2.2.1. Tổng quan kết quả thực hiện quy định về thẩm quyền xét xử phúc thẩm tại thành phố Đà Nẵng

Trong năm năm từ 2011 đến 2015, Tòa án nhân dân hai cấp thành phố Đà Nẵng đã giải quyết sơ thẩm tổng cộng 3.368 vụ, 6.060 bị cáo; trong đó số vụ có kháng cáo, kháng nghị là 1.533 vụ, 2.022 bị cáo. Kết quả xét xử phúc thẩm, cụ thể như sau: đình chỉ xét xử phúc thẩm 484 vụ, 595 bị cáo; giữ nguyên án sơ thẩm 697 vụ, 907 bị cáo; sửa án sơ thẩm 330 vụ, 484 bị cáo, chiếm tỷ lệ 21,52%; hủy án sơ thẩm 22 vụ, 36 bị cáo, chiếm tỷ lệ 1,45%. (Phụ lục 1).

Qua thống kê cho thấy, số vụ án có kháng cáo, kháng nghị cao nhất là vào năm 2012 với 333 vụ, 415 bị cáo; thấp nhất là năm 2015 với 273 vụ, 370 bị cáo.

Số vụ án đình chỉ xét xử phúc thẩm, năm cao nhất là 2012 với 114 vụ, 118 bị cáo; năm thấp nhất là 2015 với 77 vụ, 100 bị cáo. Nguyên nhân do nhiều yếu tố, nhưng phần lớn là do đặc thù Trại tạm giam Hòa Sơn - Công an thành phố Đà Nẵng nằm trên địa bàn thành phố, gần với gia đình nên tâm lý các bị cáo đều kháng cáo để kéo dài thời gian gần gia đình và gặp gỡ khi thăm nuôi.

Số vụ án giữ nguyên bản án sơ thẩm, năm cao nhất là 2013 với 167 vụ, 174 bị cáo; năm thấp nhất là 2015 với 116 vụ, 156 bị cáo.

Số vụ án bị cải sửa, năm cao nhất là 2015 với 75 vụ, 105 bị cáo, chiếm tỷ lệ 27,47%; năm thấp nhất là 2014 với 54 vụ, 75 bị cáo, chiếm tỷ lệ 18,24%. Đa số các vụ án bị cải sửa chủ yếu theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do có tình tiết giảm nhẹ mới.

Đối với số vụ án bị hủy, năm cao nhất là 2011 với 06 vụ, 08 bị cáo, chiếm tỷ lệ 1,96%; năm thấp nhất là 2014 với 03 vụ, 04 bị cáo, chiếm tỷ lệ 1,01%.

Về cơ bản TACPT tại thành phố Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; được nhân dân và dư luận xã hội đánh giá cao. Chẳng hạn, TACPT tại thành phố Đà Nẵng đã phát hiện, xét xử và hủy khá nhiều bản án của cấp sơ thẩm.

Nói chung, các TACST đã thi hành đúng các quy định của BLTTHS về XXST; đảm bảo nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện quy định về thẩm quyền xét xử phúc thẩm tại Tòa án thành phố Đà Nẵng

Đánh giá chung TACPT đã thi hành đúng các quy định của BLTTHS về thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm. Tuy nhiên qua công tác kiểm tra, giám

độc công tác xét xử nói chung và công tác XXPT các vụ án hình sự nói riêng cho thấy vẫn còn có những sai lầm, vi phạm khi thi hành các quy định của BLTTHS về thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm.

2.2.2.1. Sai lầm trong việc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm

Nghiên cứu thực tiễn XXPT cho thấy thông thường khi kháng cáo, kháng nghị không có căn cứ thì TACPT quyết định không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên trong một số ít trường hợp kháng cáo, kháng nghị là có căn cứ, nhưng HĐXXPT không phát hiện được sự vi phạm về thủ tục tố tụng, chưa phát hiện được sai lầm của TACST trong việc áp dụng pháp luật (chưa hiểu đúng quy định của BLHS, chưa đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự) hoặc chưa xem xét toàn diện tại phiên tòa các chứng cứ cũ, chứng cứ mới, tài liệu, đồ vật mới bổ sung sau khi XXST, cho nên vẫn quyết định không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hậu quả của những vi phạm, sai lầm này dẫn đến bản án phúc thẩm bị kháng nghị giám đốc thẩm và bị Tòa án cấp giám đốc thẩm xét xử quyết định hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc XXST lại hoặc quyết định hủy bản án phúc thẩm để XXPT lại. Sau đây là một ví dụ chứng minh:

Ngô Hoàng Khanh là lái xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn vận tải N&G (có chi nhánh tại Đà Nẵng), Khoảng 11 giờ ngày 01/10/2015, Khanh điều khiển xe ô tô tải làm va chạm gây tổn hại cho sức khỏe anh Lê Văn Lượm 47%. Quá trình điều tra bị cáo và Công ty đã liên đới bồi thường cho người bị hại 100 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Khanh 18 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" và buộc bị cáo bồi thường 100 triệu đồng cho gia đình người bị hại theo đơn yêu cầu ban

đầu; sau khi XXST bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo và xem xét lại việc bồi thường. Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bị cáo và đã quyết định không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bản án phúc thẩm bị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao kháng nghị giám đốc thẩm và Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm quyết định hủy bản án phúc thẩm để XXPT lại.

Sai lầm của TACPT là không phát hiện sai lầm của TACST trong việc đánh giá tính chất mức độ vi phạm của bị cáo, bị cáo chỉ gây tổn hại cho sức khỏe người bị hại 47% và đã nộp đủ tiền bồi thường trong quá trình điều tra, có hai tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt mà xử phạt bị cáo 18 tháng tù là quá nghiêm khắc. Sai lầm khác của TACST mà TACPT không phát hiện được là bị cáo đã nộp đủ số tiền bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, nhưng lại quyết định buộc bị cáo phải bồi thường một lần nữa số tiền đó là không đúng.

2.2.2.2. Sai lầm trong việc sửa bản án sơ thẩm

Việc sửa bản án sơ thẩm nhìn chung được TACST đồng tình và đúng quy định của pháp luật nói chung và BLTTHS nói riêng. Tuy nhiên có một số trường hợp việc sửa bản án sơ thẩm còn vi phạm nghiêm trọng quy định của BLTTHS, áp dụng sai pháp luật hình sự. Sau đây là một số ví dụ chứng minh.

- Giảm hình phạt không đúng và cho hưởng án treo không đúng

Lúc 17 giờ 20 phút ngày 16/9/2014, tại trước nhà 60B đường Phan Bội Châu, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Lê Thục Quỳnh bị bắt quả tang đang bán một gói ma túy cho Lê Quang Vinh, với giá 500.000 đồng. Thu giữ trên tay của Vinh 0,044 gam ma túy tổng hợp chứa thành phần Methamphetamine (MA); khám xét chỗ ở của Quỳnh thu giữ 2.05 gam ma túy tổng hợp chứa thành phần MA. Hàm lượng Methamphetamine là 73,8%. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS, xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; sau khi XXST bị cáo kháng cáo xin được giảm hình phạt tù và hưởng án treo. TACPT

chấp nhận kháng cáo của bị cáo xử phạt 18 tháng tù và cho bị cáo hưởng án treo. Bản án phúc thẩm bị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao kháng nghị giám đốc thẩm và Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm quyết định hủy bản án phúc thẩm để XXPT lại.

Sai lầm của TACPT là không có căn cứ gì mới nhưng vẫn giảm hình phạt cho bị cáo, và cho bị cáo hưởng án treo là không đảm bảo tác dụng giáo dục riêng cho bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung cho xã hội. Mặt khác, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù là gây nguy hiểm cho xã hội cũng như ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Áp dụng khoản, điều BLHS nhẹ hơn không đúng

Vì cho rằng ông Hải chưa thanh toán đủ tiền công cho mình nên Trường rủ Phong, Bách, Hòa, Nam, Tuyên, Trung, Dũng mang theo 01 kiếm sắt, 01 côn gỗ đến nơi ông Hải đang neo đậu thuyền để đòi tiền công. Bọn chúng nhảy lên tàu của ông Hải và xảy ra cãi nhau giữa ông Hải với Trường. Ông Chính là người cùng đi thuyền với ông Hải lấy thanh gỗ định đuổi đánh Trường thì cả bọn dùng tuýp sắt, côn gỗ, gậy gỗ, kiếm đánh ông Chính gây mất sức lao động 11%. Thấy ông Hải chạy lên bờ bọn chúng đuổi theo đánh ông Hải, dùng dao nhọn dí vào mặt ông Hải và lấy của ông Hải một ví da, một điện thoại trị giá hai triệu đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS để xử phạt các bị cáo.

Mặc dù có một bị cáo Hòa kháng cáo, nhưng TACPT sửa bản án sơ thẩm đối với tất cả các bị cáo và áp dụng khoản 2 Điều 104, khoản 1 Điều 133 BLHS để xử phạt các bị cáo.

Trong vụ án này việc TACST áp dụng khoản 2 Điều 104 và điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS để xử phạt các bị cáo là hoàn toàn đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng việc các bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đã được TACST áp dụng là tình tiết định khung đối với tội “cố ý gây thương tích” nên không áp

dụng điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS đối với “cướp tài sản” là không đúng. Trong trường hợp này các bị cáo dùng những hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông Chính, nhưng sau đó lại dùng hung khí nguy hiểm này để cướp tài sản của ông Hải. Hành vi cướp tài sản này hoàn toàn độc lập với hành vi cố ý gây thương tích và ở hai “giai đoạn” khác nhau.

Tuy bản án phúc thẩm không bị kháng nghị giám đốc thẩm do mức hình phạt mà TACPT xử phạt các bị cáo không phải quá nhẹ.

- Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không có lợi cho bị cáo không đúng

Theo quy định tại khoản 3 Điều 249 BLTTHS thì trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo yêu cầu thì TACPT có thể tăng hình phạt, áp dụng điều khoản BLHS về tội nặng hơn... Tuy nhiên thực tiễn XXPT cho thấy vẫn còn có trường hợp vi phạm quy định này của BLTTHS về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng không đúng. Vương Xuân Nam cùng các bạn ngồi uống bia tại quán nhà anh Ngữ. Lúc này có các anh Bằng, Đức, Thủy đi tới thì Nam mời ba anh cùng vào uống bia. Anh Thủy không vào, thì Nam chửi anh Thủy. Nam rút con dao nhọn trong người ra định đâm anh Thủy thì anh Thủy bỏ chạy. Anh Ngữ ra can ngăn thì Nam bảo: “anh có tránh ra không, em đâm cho một nhát bây giờ”. Anh Ngữ không tránh thì Nam nhắc lại “anh có tránh ra không em đâm thật đấy” và Nam đâm một nhát vào ngực anh Ngữ làm anh Ngữ chết. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 BLHS xử phạt bị cáo. Vương Xuân Nam kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và chị Đậu Thị Mai (người đại diện hợp pháp của người bị hại) chỉ kháng cáo tăng hình phạt.

Tòa án cấp phúc thẩm xác định thêm anh Thủy cũng là người bị hại và áp dụng thêm điểm a (giết nhiều người) khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự.

Việc TACPT xác định thêm người bị hại, áp dụng thêm tình tiết tăng nặng định khung đối với bị cáo trong khi không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng

đó là không có lợi cho bị cáo vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 249 BLTTHS và quy định tại Điều 241 BLTTHS về phạm vi xét xử phúc thẩm. Tuy bản án phúc thẩm không bị kháng nghị giám đốc thẩm vì mức hình phạt tù chung thân là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao có công văn rút kinh nghiệm với Tòa án cấp phúc thẩm.

Áp dụng khoản, điều BLHS về tội nặng hơn không đúng. Nguyễn Minh Quốc bị TACST áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Quốc kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tòa án cấp phúc thẩm kết luận bị cáo còn chiếm đoạt thêm 156 triệu đồng, ngoài số tài sản mà TACST đã kết án và áp dụng khoản 2 Điều 138 BLHS đối với bị cáo, nhưng giữ nguyên mức hình phạt.

Sai lầm của TACPT là nhận thức rằng mức án không thay đổi là không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo. Từ nhận thức sai lầm này dẫn đến vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, dẫn đến bản án phúc thẩm bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

2.2.2.3. Sai lầm trong việc hủy bản án

- Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại không đúng

Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại khi nhận thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Tuy nhiên thực tiễn XXPT cho thấy có trường hợp việc điều tra đã đầy đủ, chỉ có bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, nhưng TACPT quyết định hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, như vụ án Trần Ngọc Đồng phạm tội “Cướp tài sản”. Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, nhưng không ghi rõ lý do của việc hủy bản án sơ thẩm, cần điều tra lại những vấn đề gì. Bản án phúc thẩm bị kháng nghị giám đốc thẩm và Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm, quyết định hủy bản án phúc thẩm để XXPT lại.

- Hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại không đúng

Một trong những căn cứ HĐXXPT hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại với

thành phần HĐXX mới là “người được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội”. Thực tiễn XXPT chứng minh rằng có trường hợp việc TACST tuyên bố người bị Viện kiểm sát truy cứu trách nhiệm hình sự không phạm tội là có căn cứ, nhưng HĐXXPT cho rằng có tội nên quyết định hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

- Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án không đúng

Lương Thế Toại bị TACST xử phạt 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Toại kháng cáo kêu oan. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định bị cáo có thể chấp tài sản, không lừa đảo, nên tuyên bố Lương Thế Toại không phạm tội, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Trong vụ án này bị cáo dùng xe với giấy tờ đăng ký xe giả để thế chấp vay tiền. Khi đến hạn không trả nợ và bỏ trốn. Cơ quan cảnh sát điều tra ra lệnh truy nã. Với các lý do đó bản án phúc thẩm bị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm và Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, quyết định hủy bản án phúc thẩm để XXPT lại theo hướng kết án Lương Thế Toại tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

Thứ nhất, bất cập trong quy định pháp luật

Trên cơ sở kế thừa, phát triển những ưu điểm của quy định BLTTHS năm 1988, đồng thời thể hóa kịp thời chủ trương cải cách tư pháp đề ra trong Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 02-01-2002 của Bộ chính trị (Khóa IX) về: “*Một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*”, BLTTHS năm 2003 đã tiến hành sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung quan trọng, trong đó có các quy định liên quan đến thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm.

Nghiên cứu các quy định về thẩm quyền xét xử của TACPT trong BLTTHS năm 2003, tác giả thấy rằng, BLTTHS năm 2003 đã có những bổ sung, sửa đổi để quy định cụ thể, rõ ràng hơn so với BLTTHS năm 1988. Tuy vậy, qua thực tiễn thi hành BLTTHS 2003, bên cạnh những kết quả đã đạt được

thì vẫn còn nhiều quy định về vấn đề này chưa thật sự phù hợp, chính xác và đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu của công tác thực tiễn trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Cụ thể là:

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định về huỷ bản án và quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm là cơ sở quan trọng để TACPT sửa chữa và khắc phục những sai lầm, thiếu sót của TACST, nhưng qua hơn mười năm áp dụng đã bộc lộ những bất cập như quy định chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ và chưa dự liệu được hết các trường hợp xảy ra trong thực tiễn. Cụ thể là:

Thứ nhất, bất cập trong quy định về phạm vi XXPT tại Điều 241 BLTTHS 2003: “Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị. Nếu xét thấy cần thiết thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án”. Như vậy, về nguyên tắc, “Toà án cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị”. Tuy nhiên, “nếu xét thấy cần thiết thì toà án cấp phúc thẩm có thể xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án”. Điều 241 BLTTHS năm 2003 không quy định thế nào là trường hợp “cần thiết”.

Do không quy định rõ trường hợp “cần thiết” nên dễ dẫn đến tình trạng TACPT sẽ xét xử lại toàn bộ vụ án, kể cả trường hợp huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng bất lợi đối với cả những bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị, vi phạm nguyên tắc “không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo”, đồng thời còn làm cho công tác xét xử phúc thẩm nặng nề và TACPT đã lấn một phần vào trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm dưới góc độ xét lại bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Khi BLTTHS năm 2015 được ban hành, quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm cũng không khác gì so với BLTTHS năm 2003. Vì vậy, theo tác giả, quy định tại Điều 345 BLTTHS năm 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm phải tiếp tục được hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể những trường hợp nào được xem là “cần thiết” để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cả các phần không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án, quyết định sơ thẩm.

Thứ hai, bắt cập trong quy định về sửa bản án sơ thẩm. Điều 249 BLTTHS năm 2003 chỉ quy định HĐXXPT có quyền sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi hay không có lợi cho người bị kết án nhưng chưa quy định căn cứ sửa bản án sơ thẩm nên trong thực tiễn còn có nhiều vướng mắc khi thực hiện quy định này.

Thứ ba, bắt cập trong quy định về căn cứ hủy án tại khoản 1 Điều 250 BLTTHS năm 2003: “Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại khi nhận thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được”. Hiện nay BLTTHS năm 2003 không quy định và cũng không có văn bản nào hướng dẫn thế nào là “điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ” dẫn đến việc có nhiều cách hiểu và vận dụng khác nhau về căn cứ này, việc đánh giá điều tra đã đầy đủ hay chưa hiện nay chủ yếu phụ thuộc vào ý thức chủ quan của người tiến hành tố tụng, dẫn đến một sự tùy tiện trong việc thực thi pháp luật

Để khắc phục những vấn đề nêu trên, tại khoản 1 Điều 358 BLTTHS 2015 đã bổ sung thêm 02 căn cứ như sau: “*Có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội*” và “*có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố*”. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bổ sung các căn cứ trên để vận dụng khi hủy bản án, quyết định sơ thẩm để điều tra lại là hết sức cần thiết, phù hợp với nhu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 vẫn chưa giải quyết những vấn đề còn tồn tại khác, như: Thế nào là điều tra của cấp sơ thẩm không đầy đủ? Những vi phạm nào bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố? Nên cần tiếp tục phải hoàn thiện để có sự nhận thức thống nhất, tránh sự tùy tiện khi áp dụng pháp luật...

Thứ hai, hạn chế trong việc thực thi pháp luật

Tính đến ngày 30/12/2015, Hệ thống hai cấp Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có 23 Thẩm phán trung cấp, 74 Thẩm phán sơ cấp trên tổng số 212 nhân sự. Trong đó, có 04 Thẩm phán trung cấp được phân công làm công tác xét

xử phúc thẩm các vụ án hình sự. Về trình độ, có 7/17 Thẩm phán trung cấp đạt trình độ trên đại học, 10 Thẩm phán trung cấp đã qua đào tạo cao cấp chính trị; còn lại đều đạt trình độ đại học và trung cấp chính trị.

Đánh giá chung, đội ngũ Thẩm phán trung cấp của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp đều đã được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác. Đây chính là những điều kiện quan trọng tạo ra sự chuyển biến tích cực trên các mặt công tác của hệ thống hai cấp Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng trong những năm qua, đặc biệt là trong công tác giải quyết, XXPT các vụ án hình sự.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, số ít Thẩm phán vẫn còn hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tinh thần trách nhiệm trong công tác chưa cao, nên ảnh hưởng tới hiệu quả công tác được giao; cá biệt còn có những cán bộ, Thẩm phán có hành vi sai phạm nghiêm trọng trong chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp dẫn đến phải bị khiển trách, xử lý kỷ luật.

Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trên xuất phát cả từ hai mặt khách quan và chủ quan, đó là:

Thứ nhất, bản thân một số Thẩm phán chưa nhận thức đúng và đầy đủ trách nhiệm cá nhân, không trau dồi, rèn luyện bản thân về đạo đức cũng như kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn dẫn đến quá trình thực thi công vụ có những sai phạm xảy ra;

Thứ hai, công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ có lúc còn chưa phù hợp, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, số lượng chỉ tiêu Thẩm phán trung cấp được giao cho hệ thống hai cấp Tòa án thành phố Đà Nẵng còn thấp so với yêu cầu nhiệm vụ công tác;

Thứ ba, công tác thanh kiểm tra, giám sát có lúc thực hiện chưa thường xuyên, chưa triệt để, còn mang nặng tính hình thức, chưa thực sự là biện pháp hữu hiệu để kịp thời phát hiện, xử lý những sai phạm xảy ra;

Thứ tư, công tác tổng kết thực tiễn, tập huấn nghiệp vụ, tự đào tạo tại chỗ còn hạn chế, chưa được thực hiện thường xuyên; cơ chế phối hợp giữa các đơn vị tham mưu cho Lãnh đạo, Hội đồng Thẩm phán còn bất cập; chưa có cơ chế cụ thể, hữu hiệu để xây dựng nhân sự mang tầm chuyên gia trong từng khâu công tác chuyên môn, đặc biệt là công tác XXPT các vụ án hình sự;

Thứ năm, mô hình về tổ chức của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng hiện nay là tổ chức và hoạt động của các Toà chuyên trách thuộc Toà án nhân dân cấp tỉnh. Theo đó cơ cấu tổ chức của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng có 5 toà chuyên trách gồm: Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa kinh tế, Tòa lao động và Tòa hành chính... tuy nhiên, khối lượng công việc trên từng lĩnh vực là không đồng đều nhưng vẫn phải bố trí con người đầy đủ dẫn đến có lúc còn lãng phí về nhân sự, đồng thời, Thẩm phán chuyên trách bị hạn chế môi trường cọ sát với thực tiễn để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp... hạn chế này thể hiện sự công kênh và chưa hợp lý trong cơ cấu bộ máy của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nói chung và Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nói riêng.

Kết luận Chương 2

Qua việc nghiên cứu các quy định của BLTTHS Việt Nam về thực hiện TQXXPT các vụ án hình sự, có thể thấy quy định của BLTTHS về XXPT, TQXXPT là đã khá đầy đủ, đảm bảo các nội dung của một cấp xét xử. Nhận định này được thể hiện qua nội dung đã trình bày ở trên. Mặc dù các nội dung nghiên cứu trình bày này liên quan xung quanh nội dung chính của đề tài nhưng việc nắm vững các quy định này là cần thiết, có ý nghĩa cho bước tiếp theo của luận văn. Nhìn chung, từng mục mà đề tài nghiên cứu đã có sự trình bày tương đối đầy đủ theo quy định của BLTTHS cũng như các văn bản hướng dẫn và có sự phân tích đánh giá nên giúp dễ dàng nắm bắt.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu nội dung trên cũng chỉ ra rằng, một số quy định của BLTTHS và văn bản hướng dẫn về TQXXPT vụ án hình sự vẫn chưa

được cụ thể, rõ ràng; không những thế một số quy định của chương XXPT còn mâu thuẫn với các chương khác của Bộ luật tố tụng hình sự. Chính vì vậy, việc tạo ra các sai lầm, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng quy định của BLTTHS là không tránh khỏi. Cho nên, trên cơ sở nghiên cứu một cách khái quát các quy định của BLTTHS về TQXXPT vụ án hình sự, nội dung tiếp theo của đề tài sẽ hệ thống các yêu cầu và giải pháp bảo đảm thi hành đúng quy định của pháp luật về TQXXPT vụ án hình sự.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THẨM QUYỀN XÉT XỬ PHỨC THẨM TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với xu hướng chung của công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đang đặt ra là “Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp” thì việc tìm hiểu quy định của BLTTHS về XXPT, làm rõ một số bất cập trong các quy định của BLTTHS về thẩm quyền XXPT từ đó đề ra những giải pháp hoàn thiện là vô cùng cần thiết. Với quan điểm này, tác giả mạnh dạn đề xuất hai nhóm giải pháp nhằm đưa các quy định của BLTTHS đi vào thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng công tác giải quyết các vụ án hình sự nói chung và hoạt động XXPT các vụ án hình sự nói riêng. Cụ thể:

3.1. Tăng cường triển khai các biện pháp thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự

Thứ nhất, tăng cường tổ chức các Hội nghị phổ biến quán triệt các nội dung mới của BLTTHS năm 2015 một cách sâu rộng đến từng cấp địa phương, cơ sở và từng cán bộ công tác thực tiễn nhằm đưa các quy định mới đi vào thực tiễn áp dụng trong công tác XXPT các vụ án hình sự.

Thứ hai, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhằm đảm bảo đảm bảo sự độc lập của Tòa án, độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong hoạt

động XXPT các vụ án hình sự theo đúng tinh thần cải cách tư pháp thể hiện trong Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 24/5/2005 là đảm bảo Tòa án xét xử độc lập, đúng pháp luật, kịp thời và nghiêm minh; đồng thời phân định thẩm quyền xét xử của TACST và TACPT phù hợp với hai cấp xét xử.

Đảm bảo nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa phúc thẩm xét xử các vụ án hình sự đáp ứng yêu cầu Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị - Ban chấp hành trung ương Đảng, đó là “Các bản án, quyết định của Tòa án phải là kết quả của quá trình tranh tụng công khai, dân chủ tại phiên tòa”. Để thực hiện tốt được yêu cầu này cũng đòi hỏi phải có sự quán triệt trong nhận thức và hoạt động xét xử tại phiên tòa hình sự phúc thẩm nhằm xác định rõ vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng Tòa án phải là chủ thể trung tâm của hoạt động xét xử theo nghĩa tạo mọi điều kiện cho việc tự do tranh luận, tự do trình bày quan điểm, chứng cứ của các bên: Bên buộc tội cũng như bên bào chữa, đảm bảo cho hoạt động tranh tụng được thực hiện công khai, dân chủ, nghiêm minh. Đảm bảo kết quả xét xử đúng pháp luật đồng thời phục vụ tình hình chính trị ở địa phương nhất là các vụ án hình sự có liên quan đến chính sách tôn giáo, các tranh chấp nhà đất liên quan đến các cơ sở tôn giáo và các loại án tham nhũng.

Thứ ba, đổi mới mô hình Tòa án theo hướng vẫn quy định thẩm quyền xét xử sơ thẩm theo hành chính lãnh thổ như hiện nay, nhưng thành lập các Tòa án khu vực bằng việc gộp một số Tòa án cấp huyện lại. Nhằm có sự phân công đội ngũ Thẩm phán hợp lý về khối lượng công việc ở quy mô lớn hơn trong một Tòa án cấp huyện như hiện nay, qua đó nâng cao chất lượng xét xử, giảm sức ép cho Tòa án cấp trên; đồng thời hạn chế được sự dư thừa, sử dụng không hiệu quả nguồn nhân lực của Tòa án cấp huyện. Đặc biệt để nâng cao tính chuyên môn hóa cao trong mỗi một cấp Tòa án cần tổ chức các Tòa chuyên trách chuyên môn từng lĩnh vực kể cả Tòa án cấp sơ thẩm.

Thứ tư, để nâng cao kinh nghiệm công tác cho cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, cần tăng cường kiểm tra, giám đốc, tổng kết thực tiễn xét xử và tập huấn nghiệp vụ. Đẩy mạnh công tác tự đào tạo, thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, hội thảo chuyên đề theo định kỳ hoặc đột xuất về chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân.

Thực tiễn công tác xét xử của Tòa án nhân dân cho thấy thông qua công tác kiểm tra, giám đốc xét xử phát hiện được những sai lầm của các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Từ đó kháng nghị, xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm khắc phục những sai lầm đó. Đồng thời qua đó uốn nắn công tác xét xử, rút kinh nghiệm về những sai lầm, bảo đảm chất lượng, hiệu quả công tác xét xử nói chung và công tác XXPT các vụ án hình sự nói riêng. Hiện nay công tác kiểm tra, giám đốc xét xử đối với các Tòa án các cấp chưa được tiến hành hàng năm. Do đó cần tăng cường kiểm tra, giám đốc xét xử với các TACPT định kỳ mỗi năm một lần.

Đồng thời tổ chức tốt công tác rút kinh nghiệm về hoạt động xét xử, trao đổi nghiệp vụ trong giải quyết các vụ án có vướng mắc về áp dụng pháp luật bằng nhiều hình thức, nhằm đảm bảo việc áp dụng đúng và thống nhất pháp luật; tổng kết thực tiễn xét xử để rút kinh nghiệm chung trong hệ thống hai cấp Tòa án thành phố là biện pháp để từng Thẩm phán tích lũy kinh nghiệm về công tác xét xử theo thẩm quyền của mình, tránh được những sai sót khi có những vụ án tương tự đã xảy ra.

Thứ năm, Tòa án nhân dân cấp tỉnh cần lập kế hoạch và phối hợp với các cơ quan, cơ sở đào tạo trong và ngoài ngành tăng cường tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước, ngoại ngữ, tin học... cho đội ngũ Thẩm phán nói riêng và cán bộ, công chức trong toàn hệ thống hai cấp Tòa án thành phố nói chung nhằm tạo được chuyển biến sâu sắc về chất lượng đội ngũ cán bộ mà chủ yếu là chất lượng đội ngũ Thẩm phán.

Đặc biệt chú trọng việc xây dựng nguồn nhân lực theo hướng đào tạo chuyên gia đầu ngành chuyên khâu về pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ. Hướng đến mục tiêu mỗi Thẩm phán trung cấp làm công tác xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự đồng thời là chuyên gia đầu tàu trong việc hướng dẫn nghiệp vụ cho cấp dưới. Đảm bảo có sự đồng bộ trong nhận thức và năng lực thực thi pháp luật của đội ngũ Thẩm phán hai cấp.

Thứ sáu, cần chú trọng chất lượng cán bộ về tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất chính trị ngay từ khâu tuyển dụng; Tòa án nhân dân cấp Tỉnh cần phối hợp với cấp ủy Đảng các địa phương và các tổ chức chính trị xã hội để lựa chọn, điều động, luân chuyển các cán bộ có trình độ về công tác tại các Tòa án địa phương và thành phố. Qua đó xây dựng kế hoạch dài hạn trong việc đào tạo nguồn kế cận để bổ nhiệm Thẩm phán trung cấp có đức, có tài, đáp ứng yêu cầu công tác trong tình hình mới.

Phối kết hợp đồng bộ giữa đổi mới trong công tác cán bộ với công tác giáo dục rèn luyện nguồn nhân lực. Xây dựng đồng bộ các quy định về lề lối làm việc, nội quy, quy chế nghiệp vụ trong ngành nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật, trách nhiệm đối với Thẩm phán. Bên cạnh các hình thức kỷ luật, chế độ trách nhiệm, phải đồng thời xây dựng chính sách đãi ngộ, cất nhắc, đề bạt tương xứng đối với những Thẩm phán giỏi, có năng lực nhằm khuyến khích sự cống hiến, góp phần nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp của cán bộ, Thẩm phán, đồng thời thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt vào công tác tại các Tòa án.

3.2. Tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về thẩm quyền xét xử phúc thẩm vụ án hình sự

Bổ sung, sửa đổi các quy định về thẩm quyền của các cấp xét xử: Mục đích của XXPT là nhằm kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức xã hội và Nhà nước bị xâm hại. Để khắc phục những bất cập, vướng mắc và tồn tại

trong thực tiễn XXPT và nâng cao hiệu quả phúc thẩm các vụ án hình sự, cần phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau. Tuy nhiên, từ góc độ pháp luật tố tụng hình sự, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLTTHS năm 2015 về TQXXPT vụ án hình sự theo các hướng xác định đúng tính chất của phúc thẩm và đối tượng của XXPT; mở rộng thẩm quyền của TACPT, theo hướng xác định lại tính chất và đối tượng của XXPT trong tố tụng hình sự, bổ sung, sửa đổi các quy định về thẩm quyền của các cấp xét xử; ban hành đầy đủ văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định BLTTHS sửa đổi về xét xử phúc thẩm. Đồng thời, cần bổ sung quy định về căn cứ để sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm. Có thể đồng ý với quan điểm cho rằng: Căn cứ để sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm là những vi phạm pháp luật nghiêm trọng chứng minh về tình trạng không hợp pháp hoặc thiếu căn cứ của bản án sơ thẩm. Vì vậy, TACPT phải sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm khi có một trong các căn cứ sau đây: Việc điều tra hoặc xét hỏi tại phiên tòa phiên diện hoặc không đầy đủ; kết luận của bản án không phù hợp với các tình tiết thực tiễn về vụ án; vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; áp dụng không đúng pháp luật hình sự, dân sự; hình phạt mà TACST quyết định không tương xứng với tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và nhân thân người bị kết án.

Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về Tòa án và người tiến hành tố tụng thuộc Tòa án: Quy định về thẩm quyền của HĐXX có một số điểm chưa phù hợp với chức năng xét xử của Tòa án như quyền quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện được tội phạm hoặc người phạm tội mới; quy định khi Kiểm sát viên rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố thì Tòa án vẫn tiếp tục xét xử (Điều 325 BLTTHS năm 2015). Các quy định về trình tự xét hỏi tại phiên tòa trong BLTTHS năm 2015 vẫn chưa hợp lý, đặt nặng trách nhiệm xét hỏi của HĐXX, nhất là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ở vị thế quá chủ động, thiên về buộc tội hơn là xét xử (Điều 307 Bộ luật tố tụng hình sự).

Một số quy định về thẩm quyền tố tụng của Chánh án Tòa án như: Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam; quyết định xử lý vật chứng; quyết định chuyển vụ án; cấp, thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa; ra các quyết định chuyển vụ án; cấp, thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa; ra các quyết định và tiến hành các hoạt động tố tụng khác trong các vụ án đã phân công cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa là chưa hợp lý vì chưa đảm bảo tính độc lập và đề cao trách nhiệm của Thẩm phán trong hoạt động xét xử. Những thẩm quyền nói trên nên trao cho Thẩm phán được phân công xét xử vụ án. Quy định tại Điều 23 BLTTHS về Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, nhưng trên thực tế, thẩm quyền quản lý hành chính của các chức danh giữ chức vụ quản lý trong Tòa án vẫn có thể chi phối rất lớn đến hoạt động xét xử của Thẩm phán thông qua việc họp trừ bị án hoặc chế độ “xin ý kiến” của lãnh đạo Tòa án cùng cấp và cấp trên. Ngoài ra, Hội thẩm nhân dân thường chịu ảnh hưởng rất nhiều của Thẩm phán vì nhiều lý do khác nhau, trong đó, lý do cơ bản nhất là Hội thẩm nhân dân bị phụ thuộc vào kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn của Thẩm phán...

Việc đổi mới, hoàn thiện các quy định về Tòa án và những người tiến hành tố tụng trong Tòa án cần quán triệt quan điểm Tòa án là “Cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”; Tòa án có nhiệm vụ “bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm cho công dân...”. Khi xét xử, Tòa án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và

trong thời hạn pháp luật quy định”. Hiện nay, việc hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Tòa án có hai nhóm quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng: Cần tiếp tục xác định Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm. Theo đó, Tòa án vẫn có quyền trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để yêu cầu điều tra bổ sung; Tòa án có quyền xét xử bị cáo ngoài giới hạn truy tố của Viện kiểm sát; tiếp tục xét xử khi Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố; duy trì trình tự xét hỏi trong phiên tòa hình sự như hiện nay, tức là HĐXX hỏi trước, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác. Để tăng cường tranh tụng tại phiên tòa, chỉ cần sửa đổi theo hướng xác định rõ hơn trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc tranh luận và bỏ thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử.

Quan điểm thứ hai cho rằng: Không nên quy định Tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm mà Tòa án chỉ thực hiện chức năng xét xử, không thực hiện những nhiệm vụ, thẩm quyền thuộc chức năng buộc tội, vì như vậy sẽ ảnh hưởng đến tính khách quan và nguyên tắc độc lập xét xử của Tòa án. Tòa án chủ yếu chỉ làm nhiệm vụ điều khiển việc xét hỏi, tranh luận giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, lắng nghe và phán quyết. Ngoài việc bỏ thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của HĐXX, quan điểm này còn đề xuất Tòa án không xét xử ngoài giới hạn Viện kiểm sát quyết định truy tố, nếu Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố thì Tòa án chỉ xét xử phần quyết định truy tố không bị rút; nếu Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố thì vụ án phải được đình chỉ xét xử. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên hỏi trước, sau đó đến người bào chữa hỏi và HĐXX chỉ hỏi khi thấy cần thiết đối với những tình tiết chưa được làm rõ để nhận thức đúng sự thật và ra phán quyết đúng đắn.

Theo tác giả, trong tiến trình cải cách tư pháp, chúng ta nên lựa chọn mô hình tố tụng hình sự có tính pha trộn, nhưng chủ yếu là mô hình thẩm vấn có kết hợp các yếu tố hợp lý của mô hình tố tụng tranh tụng. Theo đó, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có Tòa án cơ bản vẫn giữ

nguyên những yếu tố chính của mô hình thẩm vấn như hiện nay, nhưng có những cải biến quan trọng nhằm tăng cường cơ sở pháp lý cho việc phát huy tranh tụng, Tòa án không thể hoạt động chỉ làm “trọng tài” như trong mô hình tố tụng tranh tụng điển hình. Tòa án vẫn cần được xác định là cơ quan có trách nhiệm tham gia vào quá trình chứng minh, làm rõ sự thật khách quan của tội phạm, nhưng chỉ tham gia ở mức độ hạn chế. Như vậy, vẫn cần phải có một hồ sơ vụ án được lập từ giai đoạn điều tra, khi Viện kiểm sát quyết định truy tố thì chuyển cho Tòa án nghiên cứu hồ sơ trước khi đưa vụ án ra xét xử. Tòa án có quyền trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung, nhưng việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung không nên để Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa được quyết định trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như hiện nay, mà giao thẩm quyền này cho HĐXX. Bởi vì, những căn cứ Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung như quy định tại khoản 1 Điều 280 BLTTHS năm 2015 cần phải qua xét xử mới có cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện và cũng cần phải quy định chỉ HĐXX mới có thẩm quyền quyết định những vấn đề trên. Tại phiên tòa, qua xét xử công khai, thấy cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được; khi qua xét hỏi thấy có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác, có tình tiết định khung nặng hơn khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố hoặc có đồng phạm khác; khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự thì HĐXX hoãn phiên tòa và quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung. Như vậy, vừa khắc phục được việc Tòa án xét xử ngoài giới hạn Viện kiểm sát truy tố (đối với trường hợp qua xét hỏi thấy có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác) vừa tránh được nhiều trường hợp Tòa án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, nhưng Viện kiểm sát không thống nhất, giữ nguyên quyết định truy tố và Tòa án vẫn phải đưa vụ án ra xét xử như hiện nay. Không nên quy định HĐXX có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự như tại khoản 1 Điều 153 BLTTHS năm 2015. Bởi vì, nếu tồn tại quy định này là đồng nghĩa việc Tòa án đã mặc định trước về một hành vi

nào đó là tội phạm, mặc dù tại thời điểm đó chưa được điều tra, chưa bị truy tố. Điều này dẫn đến có thể Tòa án sẽ không thực sự khách quan khi xét xử chính vụ án đó.

Không nên quy định Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác nặng hơn so với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố (như Điều 298 BLTTHS năm 2015. Bởi vì:

+ Trường hợp Tòa án xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật đã cho phép Tòa án buộc tội bị cáo theo hướng nặng hơn Viện kiểm sát truy tố, bởi vì mỗi khoản quy định trong BLHS là một trường hợp phạm tội với những tình tiết định khung khác nhau, với những nội dung cần chứng minh khác nhau. Ví dụ, tội “cướp tài sản” quy định tại Điều 133 BLHS có 4 khoản với các tình tiết định khung khác nhau và hình phạt dao động từ 3 năm tù (khởi điểm khoản 1) đến tử hình (mức tối đa của khoản 4). Như vậy, với quy định hiện hành, Viện kiểm sát truy tố theo khoản 1, Tòa án vẫn có thể xử theo khoản 4 với khoảng cách về hình phạt rất xa nhau. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền bào chữa của bị cáo, bởi vì trước đó bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đã không được chuẩn bị cho tình huống xấu hơn này; hoặc trong trường hợp bị can bị truy tố ở các khoản 1, và 3 điều 133 BLHS thì có thể bị can vẫn không có người bào chữa ở các giai đoạn điều tra, truy tố, nhưng nếu Tòa án xét xử theo khoản 4 điều 133 BLHS thì quá trình tiến hành tố tụng trên cần thiết phải có người bào chữa cho bị can, vậy thì Tòa án sẽ phải xử lý trường hợp này như thế nào? Trả hồ sơ để đảm bảo thủ tục tố tụng nhưng Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát vẫn xác định hành vi phạm tội của bị can chưa đến mức định khung ở khoản 4 điều 133 BLHS thì Tòa án sẽ không xử lý được. Tòa án chỉ nên được quy định xét xử theo khoản có mức hình phạt nhẹ hơn Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật.

+ Trường hợp Tòa án có thể xét xử bị cáo về một tội khác bằng hoặc nhẹ

hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố. Quy định này tưởng chừng như bằng hoặc có lợi cho bị cáo, nhưng thực ra là có thể bất lợi cho bị cáo, vì sẽ có những trường hợp nếu tiếp tục xét xử theo tội mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo hoặc người bào chữa của họ sẽ được tuyên vô tội vì không đủ chứng cứ. Nhưng khi Tòa án không xét xử được bị cáo theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố lại chuyển sang xét xử bị cáo về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội danh đã bị truy tố thì bị cáo cũng như người bào chữa cho họ sẽ bị bất ngờ, không chuẩn bị trước cho tình huống này nên không bào chữa được và dễ dẫn đến bị buộc tội và xét xử (tội bằng hoặc nhẹ hơn là về khung hình phạt, còn cấu thành tội phạm có thể hoàn toàn khác biệt với tội Viện kiểm sát đã truy tố). Ngoài ra, Tòa án xét xử về một tội mà Viện kiểm sát không buộc tội là bản thân Tòa án đã làm cả chức năng buộc tội, trái với chức năng của Tòa án và cũng trái với chủ trương phân định rành mạch hơn các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, cần quy định lại trình tự xét hỏi theo hướng bên buộc tội (Kiểm sát viên) hỏi trước, người bào chữa cho bị cáo hỏi (nếu vụ án có người bào chữa). HĐXX hỏi sau cùng và chỉ hỏi những tình tiết, nội dung chưa được làm rõ để phục vụ cho việc nhận thức sự thật khách quan, bác bỏ hay chấp nhận sự buộc tội hoặc gỡ tội của các bên. Để đảm bảo tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị bổ sung quy định Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền đề nghị Tòa án triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa. Để đảm bảo chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát XXPT, đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm và thời hạn TACPT chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và bổ sung quy định TACPT gửi bản án, quyết định phúc thẩm cho Viện kiểm sát cung cấp để tạo điều kiện cho Viện kiểm sát kiểm tra bản án phúc thẩm, đề xuất việc xem xét, kháng nghị giám đốc thẩm. Để thực hiện chủ trương phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính tư pháp với thẩm quyền tố tụng đối với những người tiến hành tố tụng thuộc Tòa án và tăng quyền hạn cho những người trực tiếp tiến hành tố tụng, đề nghị sửa

đổi quy định của BLTTHS theo hướng: Khi không trực tiếp tiến hành tố tụng với tư cách là Thẩm phán; Chánh án; Phó chánh án chỉ thực hiện thẩm quyền quản lý hành chính – tư pháp. Các thẩm quyền hiện nay của Chánh án, Phó chánh án như quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam, quyết định xử lý vật chứng; quyết định chuyển vụ án; cấp, thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa; gia hạn thời gian xét xử vụ án... cần chuyển giao cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Khắc phục các vướng mắc về phạm vi xét xử phúc thẩm

Điều 345 BLTTHS năm 2015 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: “Nếu có kháng cáo, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án. Nếu có kháng cáo, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xét xử lại phần vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Tòa án cấp phúc thẩm có thể xét xử lại vụ án các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị trong trường hợp ở phần đó có điểm cần xem xét để xét xử theo hướng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo”.

- Để đề cao vị trí, vai trò và trách nhiệm của các bên tham gia phiên tòa phúc thẩm và để Tòa án thực hiện đúng chức năng xét xử của mình, khoản 1 Điều 353 BLTTHS năm 2015 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: “Trước khi xét xử hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát có thể bổ sung chứng cứ mới; người đã kháng cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự cũng có quyền bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật”.

- Để khắc phục tình trạng rút kháng nghị không đúng, BLTTHS cần quy định Viện trưởng Viện kiểm sát có quyền rút quyết định hủy bỏ quyết định rút kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp hoặc cấp dưới nếu như xét thấy việc rút kháng nghị đó là không có căn cứ để việc XXPT được tiến hành theo luật định.

- Điểm đ khoản 2 BLTTHS năm 2015 quy định căn cứ để HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại trong trường hợp: “*Bản án sơ thẩm có sai*

lâm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật này”.

Quy định này mang tính chất loại trừ đối với những trường hợp sửa bản án sơ thẩm theo Điều 357 BLTTHS năm 2015. Đây là một quy định hoàn toàn mới, nhằm đảm bảo cho HĐXX phúc thẩm có đầy đủ thẩm quyền hủy bản án trong những trường hợp cần thiết. Tuy nhiên, tác giả thấy rằng, các trường hợp sửa bản án sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015 được thực hiện trên cơ sở kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, đối với những bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm thì HĐXX phúc thẩm vẫn có thể căn cứ vào khoản 3 Điều 357 BLTTHS năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho cả những vị cáo không có kháng cáo, kháng nghị. Như vậy, các trường hợp: *“Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử sửa bản án”* theo quy định tại Điều 357 BLTTHS năm 2015 chỉ có thể là một trong các trường hợp theo hướng bất lợi cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 2015 nhưng Viện kiểm sát không kháng nghị và người bị hại không kháng cáo thì HĐXX phúc thẩm sẽ hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Tác giả cho rằng, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 358 BLTTHS năm 2015 là một quy định hết sức vô lý, vô hình dung đã cho phép HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng: Tăng hình phạt, áp dụng điều, khoản của Bộ luật hình sự về tội nặng hơn; áp dụng hình phạt bổ sung; áp dụng biện pháp tư pháp; tăng mức bồi thường thiệt hại; chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nặng hơn; không cho bị cáo được hưởng án treo. Tất cả những trường hợp này đều theo bất lợi cho những bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã mâu thuẫn với quy định hướng dẫn về phạm vi xét xử phúc thẩm. Do đó, tác giả kiến nghị bãi bỏ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 358 BLTTHS năm 2015.

Kết luận Chương 3

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và quy định của luật thực định với tính chất là cơ sở lý luận và pháp lý của hoạt động xét xử phúc thẩm vụ án hình sự; đánh giá thực trạng thực hiện thẩm quyền XXPT vụ án hình sự của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng trong những năm gần đây, Chương 3 của Luận văn tập trung xây dựng các giải pháp nhằm bảo đảm và nâng cao hiệu quả, chất lượng XXPT vụ án hình sự tại thành phố Đà Nẵng. Những giải pháp này được xây dựng trên cơ sở quán triệt những quan điểm của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp và tình hình thực tế ở địa phương nên có cơ sở lý luận và thực tiễn, có tính đồng bộ và khả thi.

Những giải pháp về hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự cũng như cơ chế bảo đảm cho hoạt động XXPT vụ án hình sự có thể được triển khai không chỉ ở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mà có thể vận dụng triển khai ở các địa phương khác nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng XXPT vụ án hình sự, góp phần bảo vệ Đảng, Nhà nước, công dân, bảo vệ công bằng và công lý trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa và mở rộng hơn nữa hội nhập quốc tế.

Các giải pháp mà tác giả kiến nghị trong Luận văn góp phần tạo nên sự thống nhất trong hoạt động XXPT vụ án hình sự và hoạt động của Tòa án.

KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu trong Luận văn, tác giả có một số kết luận sau đây:

1. Xét xử phúc thẩm theo bản chất và nội dung của nó là hoạt động tố tụng của Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực bị kháng cáo hoặc kháng nghị hợp pháp theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định để ra một hoặc nhiều quyết định quy định tại khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự. Xét xử phúc thẩm có vị trí quan trọng, bởi thông qua XXPT, TACPT không chỉ xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án bị kháng cáo hoặc kháng nghị, mà TACPT còn có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác. Đó là kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị để có quyết định tương ứng; hướng dẫn Tòa án cấp dưới áp dụng thống nhất pháp luật.

2. Cần phải phân biệt làm rõ sự khác nhau giữa giới hạn xét xử và phạm vi xét xử phúc thẩm. Phạm vi xét xử phúc thẩm là những vấn đề được xác định trong giới hạn xét xử và đã được TACST quyết định, nhưng có kháng cáo, kháng nghị hoặc tuy không có kháng cáo, kháng nghị, nhưng xét thấy cần thiết và có căn cứ, nếu việc xét xử đó theo hướng có lợi cho bị cáo. Xác định đúng phạm vi XXPT có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm.

3. Việc làm rõ khái niệm thẩm quyền của TACPT, phân cấp thẩm quyền XXPT các vụ án hình sự là cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc kiến nghị đổi mới tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân ở nước ta.

Pháp luật tố tụng hình sự của nước ta quy định về phạm vi XXPT và thẩm quyền của TACPT có sự kế thừa và ngày càng hoàn thiện hơn.

4. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định về XXPT và thẩm quyền

của TACPT tương đối hoàn thiện, là cơ sở pháp lý quan trọng bảo đảm cho công tác XXPT các vụ án hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên có một số quy định chưa đầy đủ hoặc chưa cụ thể cần được bổ sung hoặc sửa đổi cho phù hợp với thực tế khách quan.

5. Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả XXPT các vụ án hình sự đòi hỏi cần có nhiều giải pháp đồng bộ. Luận văn đã đưa ra các giải pháp mà theo tác giả là rất quan trọng.

Trong giải pháp thứ nhất, Luận văn đã phân tích những bất cập của một số quy định của BLTTHS về XXPT và thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm, từ đó Luận văn đã có những kiến nghị cụ thể về sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Những kiến nghị này theo tác giả là có cơ sở lý luận, thực tiễn và có tính khả thi cao, có thể tham khảo trong việc xây dựng pháp luật.

Ngoài ra, tác giả đưa ra các giải pháp khác: giải pháp đổi mới tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân; giải pháp công tác cán bộ; giải pháp tăng cường kiểm tra, giám đốc, tổng kết thực tiễn xét xử và tập huấn nghiệp vụ.

Việc thực hiện tốt các giải pháp đưa ra trong Luận văn chắc chắn ít nhiều góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả XXPT các vụ án hình sự.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thị Ánh (2007), *Giới hạn xét xử trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
2. Nguyễn Hòa Bình (2016), *Những nội dung mới của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, NXB Chính trị Quốc gia.
3. Bộ Chính trị (2002), Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về *Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. 2*.
4. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về *Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
5. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
6. Nguyễn Thị Cảnh (2013), *Áp dụng pháp luật Tố tụng hình sự trong hoạt động xét xử án hình sự sơ thẩm của ngành Tòa án tại thành phố Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa Học Xã Hội.
7. Lê Tiến Châu (2009), *Chức năng xét xử trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
8. Đỗ Văn Chinh (2006), *Bàn về một số vướng mắc trong xét xử phúc thẩm vụ án hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 23.
9. Nguyễn Gia Cường (1998), *Thủ tục xét xử phúc thẩm theo luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ.
10. Dennis A. Rondinelly và John R. Nellis (1985), *Đánh giá những chính sách phân cấp – một trường hợp lạc quan một cách thận trọng*, Chính sách phát triển, (IV).
11. Đỗ Thị Duyên (2003), *Mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ .

12. Trần Văn Độ (2001), *Một số vấn đề hoàn thiện thẩm quyền xét xử của Tòa án các cấp*, Tạp chí Tòa án, (6).
13. Trần Văn Độ (2003), *Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Nhà nước và Pháp luật*, (11).
14. Trần Văn Độ (2011), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
15. Phạm Hồng Hải (2006), *Mô hình tổ chức Tòa án trong tiến trình cải cách tư pháp*, Tạp chí nghề luật, (1).
16. Nguyễn Thu Hiền (2011), *Một số kiến nghị sửa đổi Điều 241, Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự về tranh tụng trong phiên tòa hình sự phúc thẩm*, Tạp chí Kiểm sát, (1).
17. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2005), Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005, *Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của Bộ luật tố tụng hình sự*.
18. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2004), Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004, *Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba "Xét xử sơ thẩm" của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*.
19. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Các quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm*, Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao.
20. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2007), *Các quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm 6 tháng đầu năm 2007*, Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao.
21. Hồ Quang Hùng (2015), *Xét xử phúc thẩm hình sự từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ.
22. Nguyễn Văn Huyền (2002), *Thẩm quyền của Tòa án các cấp theo Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Luật Hà Nội.
23. Nguyễn Tâm Khiết (2006), *Về hệ thống Tòa án trong chiến lược cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án, (2).

24. Vũ Gia Lâm (2008), *Nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
25. Vũ Gia Lâm (2010), *Phạm vi xét xử phúc thẩm về hình sự và quyền sửa bản án sơ thẩm*, Tạp chí luật học, (5).
26. Nguyễn Đức Mai (2006), *Phúc thẩm trong Tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
27. Phan Thị Thanh Mai (2007), *Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, 2007.
28. Malcolm Walls (1996), *Chính quyền địa phương và phát triển*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
29. Hồ Chí Minh (1995), *Thiếu óc tổ chức – một khuyết điểm lớn trong các Ủy ban nhân dân*, Toàn tập, Tập IV, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
30. Đặng Quang Phương (1999), *Thực trạng các bản án hiện nay và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các bản án*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.
31. Đinh Văn Quế (1998), *Thủ tục phúc thẩm trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 Về xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
33. Đinh Văn Quế (2008), *Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nặng hơn, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tòa án nhân dân, (5).
34. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
35. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.
36. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*.

37. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*.
38. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*.
39. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự năm 1999*.
40. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*.
41. Quốc hội (2013), Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về công tác phòng chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác Viện kiểm sát nhân dân, của chức Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2013.
42. Ngô Đức Tài (2014), *Bản án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa Học Xã Hội.
43. Hồ Quốc Thái (2009), *Hoàn thiện thủ tục xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Kiểm sát, (03).
44. Lê Xuân Thân (2003), *Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
45. Thông tư liên ngành số 01/TTLN/TANDTC-VKSNDTC ngày 08/12/1988 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự*.
46. Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng (2011-2012-2013-2014-2015), *Báo cáo tổng kết của Tòa án nhân dân các cấp thành phố Đà Nẵng*, Văn phòng Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.
47. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Sổ tay Thẩm phán*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
48. Tòa án nhân dân tối cao (1976), *Tập hệ thống hóa luật lệ về tố tụng hình sự*, Hà Nội.
49. Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2000), Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT- TANDTC-VKSNDTC ngày 25/12/200 của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Hướng dẫn thi hành*

các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự khi bị cáo đã chết trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

50. Tòa án nhân dân Tối cao (1992), *Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế và tố tụng*, Hà Nội.
51. *Từ điển luật học (2006)*, Nxb Từ Điển Bách Khoa - Nxb Tư pháp, Hà Nội.
52. Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Tòa án nhân dân tối cao, *Hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*.
53. Nguyễn Văn Trọng (2010), *Bàn về quyền kháng cáo, kháng nghị và xét xử phúc thẩm theo hướng tăng nặng đối với bị cáo*, Tạp chí Kiểm sát (1)..
54. Trường đại học Luật Hà Nội (1994), *Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật*, Hà Nội.
55. Trường đại học Luật Hà Nội (1994), *Giáo trình luật tố tụng hành chính*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
56. Trường đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB. CAND, Hà Nội.
57. Từ điển Tiếng Việt (1992), *Trung tâm từ điển ngôn ngữ*, Hà Nội.
58. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
50. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2006), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
60. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1994), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.